

# TƯ TƯỞNG<sup>?</sup>

Chủ Nhiệm và Chủ Bút: T.T. THÍCH MINH CHÂU

chủ đề thảo luận:

VẤN ĐỀ QUỐC HỌC và  
VAI TRÒ ĐẠI HỌC  
Ý NGHĨA VĂN KHOA và  
KHOA HỌC NHÂN VĂN



Bộ Mới Năm thứ Ba

Số 6

Ngày 1 tháng 10 năm 1970

bài vở bản thảo xin gửi:

**THÍCH NGUYỄN TÁNH**

VIỆN ĐẠI HỌC VĂN HẠNH

222, Trương Minh Giảng, Saigon — đ. t. 25. 946

thư từ giao dịch và ngân phiếu

xin gửi: **Cô Hồ thị Minh Tương**





« Tôi là » là một tư tưởng nhảm nhí; « Tôi không là » là một tư tưởng nhảm nhí; « Tôi sẽ là » là một tư tưởng nhảm nhí; « Tôi sẽ không là » là một tư tưởng nhảm nhí. Những tư tưởng nhảm nhí là một sự bệnh hoạn, một thứ ung độc, một cái gai nhọn. Nhưng sau khi vượt qua được tất cả mọi tư tưởng nhảm nhí thì mình trở thành một tư tưởng gia trầm lặng. Và tư tưởng gia, kẻ im lặng, không còn sinh khởi nữa, không còn tàn tạ nữa, không còn sợ hãi run rẩy và không còn mong đợi khao khát nữa.

Kinh MAJJHIMA NIKAYA, 140.





# VAI TRÒ ĐẠI HỌC

## TRONG VIỆC TÌM KIẾM HÒA BÌNH

*L.T.S*: Từ ngày 25 đến 29 tháng 9 năm 1966, Đại học đường Vienne ở Áo quốc đã mời Phái đoàn Viện Đại học Vạn Hạnh tham dự và phát biểu ý kiến tại Hội nghị Quốc tế về vai trò Đại học trong việc tìm kiếm Hòa bình.

Toà soạn mới nhận được bản phúc trình về Hội nghị trên và xin trích đăng lời nhận xét sau đây của giáo sư Harold Taylor, nguyên Viện trưởng Viện Đại học Sarah Lawrence College ở Huê kỳ; trong bản đúc kết, bác sĩ Harold Taylor có nói đến T.T. Viện trưởng Thích Minh Châu như sau:

\* Dr. Harold Taylor, *Final report of General Rapporteur in Report of the First World Conference on the Role of the University in the Quest for Peace*, Vienna, Austria, 1969, pp. 76-77





I was particularly moved by the statements made by our Asian colleagues when they spoke of their students and the problems of their countries. Thich Minh Chau, Rector of the University of Van Hanh in Saigon spoke eloquently of the need for hope among the students of his university and the necessity of keeping alive their belief in the future. The fact that the Rector could speak so warmly on the university and the future, at a time when my country and its devastatingly wrong military intervention should be destroying the fabric of Vietnamese society, meant a special irony for me. It is on such understanding as that of Thich Minh Chau that the work for peace must be based.

Dr. Harold Taylor

Former President of Sarah Lawrence College, U.S.A.

Member of the International Standing

Committee Universities and the Quest for Peace.

*dịch :*

Tôi đã đặc biệt xúc động khi nghe những lời phát biểu của những đồng nghiệp Á đông của chúng ta lúc họ nói về sinh viên họ và những vấn đề của quê hương họ. Thích Minh Châu, Viện trưởng Viện Đại học Vạn Hạnh ở Sài Gòn, đã phát biểu một cách hùng biện về sự cần thiết của niềm hy vọng trong giới sinh viên của trường đại học Ông và sự cần thiết duy trì linh động niềm tin tưởng vào tương lai.

Điều đáng lưu ý là một vị Viện trưởng đã có thể nói một cách nồng nhiệt về đại học và tương lai vào đúng lúc mà quê hương tôi và sự can thiệp quân sự tàn hại sai lầm của xứ sở tôi vào cơ cấu tổ chức xã hội Việt nam, sự việc





ấy quả là một sự mia mai đặc biệt đối với tôi. Công việc phụng sự cho hòa bình phải được đặt nền tảng vào trong tinh thần lý hội như là tinh thần thấu triệt của Thích Minh Châu.

...Những hội viên của hội nghị xúc động sâu xa bởi hai lời phát biểu từ hai đồng nghiệp Á châu của họ: Thích Minh Châu, Viện trưởng Viện Đại học Vạn Hạnh Sài Gòn và Giám đốc St. John Watanabe, Đại học Notre Dame Seishin Nhật bản. Cả hai đều nói về chiến tranh và thanh niên của xứ sở các vị. Đứng trong tấm y màu da cam, Viện trưởng Thích Minh Châu an nhiên và hùng hồn, nói về những vấn đề của đại học Ngài, không nêu ra một lời trách bị nào, không cầu xin một thiện cảm nào. Vấn đề chính yếu, Ngài nói, là giữ sinh động một tinh thần hy vọng trong giới sinh viên và sáng tạo một thái độ tin tưởng vào một tương lai có thể có được...

Dr. Harald Taylor

(trích báo *Saturday Review*, October, 11-1969)



Sách mới sẽ phát hành giữa tháng 8-70

## Sử ký của Tư Mã Thiên

GIẢN CHI và NGUYỄN HIẾN LÊ

*Giới thiệu, trích dịch và chú thích*

Tư Mã Thiên là nhà văn lớn nhất, có tâm trạng u uất nhất của Trung Hoa chịu sống nhục để hoàn thành bộ **sử ký**; cảnh già thật cô độc, không ai biết chết năm nào và ở đâu.

Sở học, tư tưởng, chí hướng cao cả và tâm sự bi thảm của ông gửi cả vào bộ đó mà về phương diện nghệ thuật, Lỗ Tấn khen là bộ **Ly Tao không văn**, về phương diện sử học, tất cả các học giả Đông, Tây đều nhận là **một công trình vĩ đại** làm vẻ vang cho nhân loại, hơn hẳn các bộ sử của Hérodote, Tacite. Ảnh hưởng của nó tới văn hóa Trung Hoa chỉ đứng sau các bộ Kinh của Khổng Tử, Lão Tử và Trang Tử.

Chavannes ở Pháp, Watson ở Mỹ đã dịch nhưng chưa trọn bộ vì tác phẩm lớn quá: 130 thiên 526.500 chữ.

Ở nước ta, trước thế chiến Nhượng Tống mới trích dịch được ít đoạn ngắn, nhưng giới thiệu sơ sài không chú thích, mà lại không dịch trọn một thiên nào nên độc giả không thấy được cái bi hùng cuộn cuộn trong bộ sử mênh mêng đó.

Lần này hai ông Giản Chi và Nguyễn Hiến Lê trích dịch nhiều hơn, giới thiệu và chú thích kỹ cũng như đã giới thiệu **Chiến Quốc Sách**. Nhà xuất bản **Lá Bối** sẽ in thành một cuốn dày. (Giấy mắc, công in tăng, nên số in phải hạn chế, bạn nên dặn trước ở hiệu sách quen; chắc chắn không thể tái bản).

*Nhà xuất bản Lá Bối  
120 Nguyễn Lâm Cholon*





# VAI TRÒ ĐẠI HỌC Ý NGHĨA VĂN KHOA VÀ KHOA HỌC NHÂN VĂN

THÍCH MINH CHÂU

Hoài bảo của chúng tôi là ngưỡng vọng tới Phân Khoa Văn học và Khoa học Nhân văn, như là *Cơ sở của ý thức sáng tạo*, nơi thu hút và nuôi dưỡng con người sáng tạo, nơi tập trung tinh lực và năng lực trong việc đi tìm *Thực tình của Việt Nam*, cái gì đã làm Việt Nam trở thành Việt Nam, cái gì làm người Việt Nam vẫn đứng thẳng và đi tới sinh mệnh của Quê hương, dù tất cả đồ võ, tất cả máu và nước mắt, tất cả tàn phá tang thương đang lay chuyển tận nền tảng của mấy ngàn năm nỗ lực tinh thần, mà đôi lúc, kiêu hãnh và đau đớn, mình thường gọi là «mấy ngàn năm văn hiến». Thực tình mấy ngàn năm văn hiến ấy là gì? Thực tình của *Việt Tinh* là gì? Nói khác đi, *căn nguyên* của tinh thần Việt Nam là gì?, nghĩa là *cái gì* đã làm con người Việt



Nam phải đến tình thế lịch sử hiện nay?, *cái gì đã làm* hai chữ *Việt Nam* có mặt và đang có mặt một cách đậm máu trên mặt trái đất hiện nay? và *cái gì sẽ đưa* Việt Nam đi đến trong tương lai — đi về tinh túy của quê hương hay đi về sự vong quốc, mất mọi gốc rễ, xa lìa nguồn gốc của đất mẹ? Hiểu được *cái gì* ấy đã nuôi dưỡng tinh thần dân Việt từ mấy ngàn năm nay, hiểu được cái ấy là tìm ra được thực tính, thực chất, bản tính, bản chất của Việt Nam, sự hiện diện của Việt Nam trong văn hóa Đông phương và sự *đối diện* của Việt Nam với văn hóa Tây phương. Hậu quả của sự hiện diện ấy là hiện trạng của con người Việt Nam bây giờ, một hiện trạng thể thắm được thể hiện qua *ý thức về sự đánh mất thực tính của Việt Nam* đồng một nhịp với *sự đánh mất thực tính của Đông phương* song hành với *sự đánh mất thực tính của Tây phương* trong sự khủng hoảng của nền văn minh Tây phương hiện đại. Sự khủng hoảng này đã tìm được mảnh đất Việt Nam để phát hình một cách ngoạn mục bi đát qua trận chiến tranh Việt Nam vì Việt Nam là mảnh đất mà con người đã trải qua kinh nghiệm tang thương nhất về sự mâu thuẫn cao độ giữa sự hiện diện và sự đối diện, giữa sự đánh mất về *tự tính* và sự đánh mất về *tha tính*, giữa sự khủng hoảng của những giá trị Đông phương và những giá trị Tây phương. Sự khủng hoảng ấy phát ra từ sự tàn phế suy liệt trong tinh thần Việt Nam, từ sự tiêu tán suy nhược của sinh lực Việt Nam: cơ thể Việt Nam đã mất sinh lực trong chính tự thân và chính sự mất sinh lực nội tại ấy đã là nơi đón rước con vi trùng nguy hiểm nhất ở thời hiện đại, đó là tinh thần hư vô (nihilisme) lan tràn khắp thế giới hiện nay. Chủ



nghĩa hư vô là hậu quả của sự mất sinh khí trong tất cả mọi giá trị của nhân loại từ trước cho đến bây giờ và chính chủ nghĩa hư vô ấy đã đưa đến trận chiến tranh ác liệt ở Việt Nam từ mấy chục năm nay: và con người nhất là con người Việt Nam càng lúc lại càng không biết *minh là ai, minh đang ở đâu, minh sẽ ra sao*, vì tất cả mọi sự đã đảo lộn, tất cả mọi giá trị linh thiêng đã đổ ngã, và *ý thức của Việt Nam*, càng lúc càng rã rời phân tán, và con người, mang tên là «con người Việt Nam», bỗng một sớm thấy mình hóa thân thành một *con vật sợ hãi*, con thú bị săn đuổi, sợ hãi tất cả mọi sự, run rẩy khắp toàn thân vì biết rằng mình có thể chết bất cứ lúc nào, không phải chỉ nơi trận địa mà ngay tại nhà mình; con thú sợ hãi ấy càng lúc càng sợ băng quơ, càng lúc càng co rúm lại, vì sợ hãi làm cho người ta co rút lại, càng co rút lại thì mình càng nhỏ bé dần đến lúc nhỏ lại gần như một đồ vật, một gói, một trái banh tròn mà ai muốn đá đi đâu cũng được; *tự chủ* biến nghĩa đi và trở thành *tự vệ*, và sau cùng *tự vệ* biến nghĩa đi và trở thành *tự động* hay *thụ động*; con người biến thành con vật và con vật biến thành đồ vật, rồi đồ vật biến thành cái máy, một thứ máy móc tự động.

Con người thì thảm thương như thế, nhưng còn sản phẩm tinh thần của con người? Sản phẩm tinh thần của con người trở nên một guồng máy được tổ chức một cách tinh vi tối tân; guồng máy to lớn ấy đẻ ra những cái máy nhỏ, gọi là những con người máy; những đại học dường trở nên những lò đúc, mỗi năm cố gắng tạo ra thực nhiều những con người máy, mang tên là kỹ sư, bác sĩ, tiến sĩ, chuyên



viên, kỹ giả, học giả, v.v... mỗi năm, từng lớp sinh viên ra đời; mang một nhãn hiệu đẹp đẽ, một chức tước cao trọng, để rồi không biết mình sống để làm gì trong một thế giới mà càng lúc con người càng vắng mặt. Càng lúc những đồ vật lại càng nhiều, và giá trị của đồ vật trở thành tiêu chuẩn để đánh giá con người. Con người lại trở nên một đồ vật giữa những đồ vật, Văn hóa trở thành những trang điểm phấn son, làm đẹp một nét mặt khô chết. Văn hóa trở thành một đồ vật, được gọi trừu tượng là đối tượng, một đối tượng khô chết được trao qua đổi lại tại một nơi, gọi là Văn Khoa.

Có phải chúng tôi đã bị quan khi mô tả hiện trạng trên? Tại sao chúng tôi chỉ nói đến Văn Khoa mà không nói đến những phân khoa khác? Sở dĩ như thế là vì chúng tôi muốn suy nghĩ và đặt vấn đề từ khởi điểm: khi mà Văn Khoa đã đánh mất ý nghĩa về thực tính của văn hóa thì còn phân khoa nào có thể nuôi dưỡng thực tính văn hóa nữa? Thực tính của khoa học, thực tính của xã hội, thực tính của tôn giáo (Phật giáo hay Thiên Chúa giáo) phải được xây dựng trên thực tính của con người; thực tính của con người phải được xây dựng trên cái gì làm con người ra con người, tức là cái được gọi là « nhân tính ». Khoa học về « nhân thể » gọi là « khoa học nhân văn ». Khoa học về « nhân tính » được gọi « văn khoa », vì văn khoa là ý thức về văn hóa như là sự hình thành của nhân tính qua những hình thức khác biệt đa dạng trong lịch sử nhân loại. Chính văn hóa là cái nuôi dưỡng nhân tính và cứu vớt nhân tính khỏi rơi vào thú tính hay vật thể tính. Trong quyển sách nhan đề « Sứ mệnh của Đại Học Đường » (Mission of the University), tư tưởng gia Ortega Y Gasset, người mà Albert Camus cho là « nhà



văn Âu Châu vĩ đại nhất sau Nietzsche », chủ trương sứ mạng của trường Đại học phải là giảng dạy *văn hóa và văn hóa không phải là khoa học và khoa học phải phụ thuộc và lệ thuộc vào văn hóa*, Ortega Y Gasset cho rằng: « sự động dẫn nội tại của khoa học không phải là mối quan tâm có liên hệ với sinh lực hiện hữu của con người, chính văn hóa giữ vai trò sinh động ấy. Khoa học có tính cách lãnh đạm với những đòi hỏi cấp bách của đời sống chúng ta và chỉ đi theo những hướng đi tất yếu của chính nó. Vì thế càng lúc khoa học lại càng có tính cách chuyên môn một cách vô giới hạn. Nhưng văn hóa thì phụng sự cho đời sống chúng ta ở tại đây và bây giờ ». (The internal conduct of science is not a *vital* concern; that of cultures is. Science is indifferent to the exigencies of our life, and follows its own necessities. Accordingly, science grows constantly more diversified and specialized without limit, and is never completed. But culture is subservient to our life here and now) (Cf. José Ortega y Gasset, *Mission Of the University*, pp. 73-74)

Nói về vai trò của văn hóa, Ortega Y Gasset viết: « Văn hóa là điều cứu vớt đời sống con người để mà không trở thành một thảm họa; văn hóa là điều tiếp lực cho con người sống một đời sống vượt lên trên bi kịch vô nghĩa hoặc vượt lên trên sự điếm nhục nội tâm của mình » (Culture is what save human life from being a mere disaster, is it what enables man to live a life which is something about meamingless tragedy or inward disgrace) (op. cit, p. 37), Và tiếp theo lời nói ấy, Ortega Y Gasset trích dẫn một câu từ kinh *Pháp Cú* của Phật giáo: « Hành vi của chúng ta đi theo tư tưởng của chúng ta như là bánh xe bò đi theo vết chân bò » và Ortega Y Gasset cắt nghĩa: « chúng ta là



những ý tưởng của chúng ta » và Ortega Y Gasset định nghĩa : « văn hóa là toàn bộ những ý tưởng có sinh khí, có sinh lực, của một thời đại » và sứ mệnh của trường Đại học phải là đưa con người sống ngang tầm mức với thời đại mình, nghĩa là « ngang tầm mức với những ý tưởng của thời đại mình ». Sinh lực của Văn hóa là đưa những ý tưởng của những thời đại khác đi đến ngang tầm mức với những ý tưởng của thời đại mình. Thế kỷ 20 này là thế kỷ mà văn minh đã tiến đến độ huy hoàng nhất, nhưng Ortega Y Gasset vẫn tuyên bố rằng : « chúng ta đang sống vào một thời đại phi văn hóa ghê gớm nhất, dù bên ngoài vẫn tỏ ra hóm hỉnh tự phụ kiêu kỳ » (We are passing at present, despite certain appearances and presumptions, through an age of terrific unculture) (op. cit, p. 74).

Chúng tôi đã trích dẫn dài dòng về những câu nói của Ortega Y Gasset là muốn nhấn mạnh lời tố cáo trên của một bộ óc lớn lao ở thế kỷ này, sự tố cáo về tính cách phi văn hóa (un-Culture) của nền văn minh ở thế kỷ 20. Tính cách phi văn hóa ấy đã lan tràn khắp thế giới, lan tràn khắp mọi sinh hoạt trí thức của con người hiện đại, khiến cho con người trở nên máy móc tự động, khiến cho những trường Đại học trở nên những lò đúc người máy; khiến cho con người đánh mất thực tính và khiến cho văn hóa Việt Nam trở thành một sự hỗn tạp mất gốc hoặc trở thành một thứ « tổng hợp » thiếu sinh khí hoặc trở thành một đối tượng sẵn sàng cho chủ nghĩa ái quốc hẹp hòi cô lập. Vì phi văn hóa cho nên con người đánh mất nhân tính và khi đánh mất nhân tính thì chân lý cũng không còn và lúc chân lý lụi mất đi thì tự do cũng vô nghĩa. Đó là điều đã khiến đại học đương trở thành một vận động trường, nơi đó người



ta tranh đua nhau để đạt cho được sự thỏa mãn về tự ái cá nhân, hoặc đại học đường trở thành một thị trường, nơi đó người ta lập bè chia phái để thanh toán nhau hoặc mưu cầu danh lợi.

Hãy trả Đại học đường về vị trí tôn kính của nó.

Hãy để cho Đại học đường làm nơi mà mỗi con người được *tự do* thể hiện lý tưởng văn hóa của con người trong hướng đi của *nhân tính* trở về *chân lý*.

Đi từ ý thức về hiện trạng phi văn hóa của thời hiện đại, ý thức về hậu quả của phi văn hóa trong đời sống đại học hiện nay, chúng tôi mong rằng *Phân khoa Văn học và Khoa học Nhân văn* sẽ là nơi hình thành ý thức mạnh mẽ nhất về *việc đặt lại văn hóa* như là *cơ sở của ý thức sáng tạo*, trong việc đi tìm lại *thực tính của Việt Nam* trong *thực tính của con người*. Chỉ từ ý thức về thực tính ấy mà thực tính của xã hội và thực tính của tôn giáo mới được minh định dứt khoát trong những phân khoa như *Phân khoa Xã hội* và *Phân khoa Phật học*. Chẳng những thế, ngay đến những nền khoa học hiện nay, chỉ khi nào thực tính của khoa học đã được xác định thì những nền khoa học ấy mới không còn đánh mất sự tiếp thông với đời sống hiện thực của con người. Và chính khoa học thì không thể nào nói lên được *thực tính của khoa học*. Chỉ có văn hóa mới xác định lên thực tính của khoa học, vì chỉ có văn hóa mới làm con người khoa học trở thành con người.

Qua những ý nghĩ chân thành trên, chúng tôi xin đặt hết tất cả hoài bão vào thế hệ tuổi trẻ hôm nay, vì chúng tôi ý thức rằng tuổi trẻ Việt Nam hôm nay,



hơn ai hết chính là những con người đã chịu đựng tất cả hậu quả *phi văn hóa* của trận chiến tranh Việt Nam, và chính sự chịu đựng kiên trì ấy là sức mạnh *phi thường nhất* của ý thức con người chứng minh rằng không có gì tàn phá nổi con người, không có gì giết được con người khi mà con người vẫn còn đủ sự chịu đựng, đủ sự kiên nhẫn để *đứng thẳng* và *đi tới*, mặc dù chung quanh mình chỉ là sự thù hận tàn bạo và sự thất vọng đen tối.

*Đứng thẳng* và *đi tới* có được không điều đó chính là điều do chính thể hệ trẻ tuổi hôm nay quyết định.

Thể hệ chúng tôi đã nói xong tiếng nói của chúng tôi, chúng tôi mong đợi rằng thể hệ trẻ hôm nay sẽ *không nói mà chỉ im lặng* để đi tới những bước đi cần thiết để trở về Quê hương mà chúng ta đã đánh mất từ trên 25 năm nay.

THÍCH MINH CHÂU

Nhà xuất bản TRÍ ĐĂNG đã phát hành

## CÂU CHUYỆN THẦY TRÒ

của HUỖNH PHAN

NGUYỄN HIỂN LÊ giới thiệu





# QUỐC HỌC

NGUYỄN ĐĂNG THỤC

(Việt sử tiền án)

Danh từ Quốc học được nêu lên chính thức ở Việt nam vào đầu nhà Trần như Đại Việt Sử ký Toàn thư đã ghi chép :

«Niên hiệu Nguyên phong thứ ba, quý sửu (1253) mùa hạ, tháng tư, lấy Khâm Thiên Đại Vương Nhật Hiệu làm Thái Úy. Tháng sáu thiết lập Viện Quốc học...

Niên hiệu Nguyên phong thứ nhất, mùa thu thi các khoa Tam giáo. (Tam giáo chư khoa)»

(Trần · Kỷ q. V)

Vậy hai chữ Quốc học dùng để chỉ vào một nền giáo dục Quốc gia Việt nam thời bấy giờ mục đích để đào tạo nhân tài hữu dụng cho nước nhà. Và nước nhà thời Trần thì ai cũng biết là một thời đại rất nhiều anh hùng hào kiệt, văn võ toàn tài, như sử gia Ngô thời Sĩ sau này đã ca tụng :





« Vua lập ra nhà học, tôn chuộng nghề văn, dựng lên ngôi nhà giảng tập việc võ, cả văn và võ có vẻ rục rĩ lắm. Cho nên các ông Hán Siêu, Trung Ngạn và Hưng Đạo, Nhật Duật, Ngũ Lão nổi nhau xuất hiện. Văn Trinh (Chu văn An) và Hưng Đạo (Trần Hưng Đạo) là bậc danh Nho, danh Tướng lừng lẫy thời ấy, kết quả của sự tôn chuộng văn võ đó. »

(Việt sử tiêu án)

Xem như thế đủ thấy ý nghĩa Quốc học trong tư tưởng Việt trước kia người ta hiểu là gì, như thế nào. Nhưng gần đây trong thời nước nhà bị thực dân đô hộ đồng thời với hầu hết cõi Á châu, sau thế chiến 14-18 có cuộc thức tỉnh của Ấn độ, Trung hoa, ở Việt nam giới trí thức từng hấp thụ ít nhiều văn hóa Âu tây, mới lại đem ra bàn cãi náo nhiệt về Quốc học. Nào Phan Khôi, Phạm Quỳnh, Sở Cuồng, Đồ Nam... Kể thì bảo Việt nam không có Quốc học vì không có các vị giáo chủ sáng lập ra các tôn giáo như Phật Thích Ca, Jesus Christ, Lão Tử, Khổng Tử. Kể thì bảo Việt nam vốn có Quốc học kể từ thời Sĩ Nhiếp (thế kỷ II C.n) chẳng khác chi ngày nay ở miền Nam này người ta bàn cãi Việt nam có dân tộc tính hay không có vậy.

Nhưng vấn đề Quốc học không phải vấn đề nguy biến danh từ suông, nó là cả một vấn đề sinh tử của một nước, một dân tộc. Nghiệm trong lịch sử các dân tộc thế giới, dân tộc nào suy bại, bị thế lực ngoại lai chi phối, đầu độc bằng một giáo dục ngu dân, muốn cất đầu lên, dành địa vị, sống độc lập bình đẳng, bình quyền với các dân tộc khác đều bắt đầu với vấn đề nhân sự: có người hay không có người? Người đây là người của dân tộc, người sĩ khí sẵn sàng và luôn luôn cảm thông với nhân dân, không những nhân dân



hiện tại mà còn với nhân dân các thế hệ về trước nữa. Nhưng người sĩ khí ấy ở đâu mà ra nếu chẳng phải tự trong lò giáo dục dân tộc mà xuất hiện? Giáo dục dân tộc tức là cái giáo dục trung thành với dân tộc tính để đào tạo người hữu dụng cho dân tộc, không phải thứ giáo dục ngu dân, nhồi sọ hay tẩy não vậy. Đây là Quốc học.

Sở Cường Lê Dư, từng du học lâu năm bên Nhật bản về, viết về Quốc học: «Nói về định nghĩa thì Quốc học là học vấn, kỹ thuật của một nước. Học vấn kỹ thuật ấy là cái cố hữu của mình hay là cái mình học của người, nhưng đã thay đổi nhiều lần, nay trở thành cái cố hữu của mình mà người ta không ai có nữa.

«Quốc học là đối với các học vấn ngoại lai như Hán học, Phật học, Âu học mà nói, có chỗ đặc biệt mà từ xưa đến nay đã có học phái, có ảnh hưởng đến nhân quần xã hội ta; người ngoại quốc bàn đến cái học ấy phải cho là cái học đặc biệt của nước Nam không giống nước nào hết.

Đã là Quốc học thì cái nội dung phải bao hàm cả quốc văn, quốc sử, quốc túy ở trong.

Quốc văn — Lấy nhất ban quốc văn học làm chủ như các học thuyết, lý thuyết, những sách vở của tiền nhân trừ thuật để lại và những quốc ca, quốc ngữ, chữ nôm và chữ quốc ngữ đặc biệt của ta.

Quốc sử — Lấy nhất ban chánh trị sử làm chủ, cách tổ chức, cách hành động về chánh trị và về pháp luật, chế độ, phong tục, tập quán, kỹ luật đặc biệt của ta.

Quốc túy — Lấy nhất thiết trường sở mỹ điểm về



vật chất về tinh thần của dân tộc tinh của ta mà do cái tình hình địa lý và nguyên nhân lịch sử đã dưỡng thành trong mấy mươi thế kỷ nay.

«Ba cái ấy, tôi đã nhận thấy là Quốc học của ta và là chủ nghĩa của tôi chủ trương đó.

«Cái định nghĩa và nội dung ấy, không phải tôi không học không xét mà nói càn đâu! Vài mươi năm về trước tôi đã xét đến cái chương trình Quốc học của Nhật bản là một nước văn minh tiên tiến, đã dề xướng ra ngót ba trăm năm nay, mà nay họ đã có một nền Quốc học vững vàng. Tôi xét của họ rồi tôi xem lại tình hình học vấn của nước nhà thì nhận thấy được cái chương trình Quốc học của ta: lấy quốc văn, quốc sử, quốc túy, ba cái ấy làm cái nội dung Quốc học; ta cứ đó mà nghiên cứu thì thấy một áng Quốc học sờ sờ trước mắt, hễ nói đến Quốc học thì không bao giờ bỏ ra ngoài được. Tôi chỉ mong mỗi người nước ta phát huy quang đại thêm lên thôi.»

(«Phụ nữ tân văn» «Vấn đề Quốc học»)

Lấy quốc văn, quốc sử, quốc túy, làm chương trình giáo dục quốc gia như thế chưa gọi là đầy đủ được vì bên cạnh chương trình Quốc học còn chương trình thế giới Công học nữa, như ông Nguyễn trọng Thuật đã bỏ túc trong bài «Điều đình cái án Quốc học»:

«Học thuật các nước thế giới đến ngày nay là hoàn bị và tinh tế, song lấy quốc tính mà phân ra thì có hai loại: Quốc học với thế giới Công học. Quốc học là cái học riêng chỉ một mình nước ấy có. Thế giới Công



học là cái học chung của các nước học lẫn của nhau. Xem A Tuyền thị Trung quốc đời Quang tự giải sau đây thì đủ hiểu. Họ A Tuyền có dịch một quyển sách Hóa học của Nhật bản rồi tự viết lấy bài tựa, đầu bài tựa nói:

«Có cái học riêng có của một nước, có cái học chung có của thế giới. Như lịch sử địa lý, quốc văn chính trị, pháp luật v.v... nước nào có tính chất của nước ấy, ấy là cái học độc hữu của một nước đó. Như học về tự nhiên giới, học về nguyên lý, ấy là cái học công hữu của thế giới đó. Song trong cái học công hữu của thế giới, cũng có cái học độc hữu riêng của một nước. Như về vật lý thì nói tường đến những cái sở sản của bản quốc hơn. Về lý hóa thì nói tường đến những nghề nghiệp phẩm vật của bản quốc hơn. Rồi đem những tài liệu của bản quốc mà ghi chép, cho thích hợp với tính chất của người nước mình. Ấy như thế thì tuy là cái học công hữu của thế giới mà thực là cái học độc lập của một nước.»

(Nam Phong số 167)

Đây là chương trình đầy đủ của một nền giáo dục quốc gia, gồm có Quốc học và Công học, trong đó thì Quốc học phải ở địa vị chủ nhân là phần bản thể còn công học phải ở địa vị khách, là phần bồi dưỡng. Chính với cái chương trình giáo dục quốc gia như thế mà Nhật bản đã sớm từ một nước nhược tiểu bị các đế quốc Âu Mỹ bắt nạt, khinh rẻ, trở nên một cường quốc được kính nể trên thế giới ngày nay vậy.

Trông người lại ngẫm đến ta!

Nước ta, hai chữ Quốc học đã được đề cao từ thời



nhà Trần, thế kỷ XIII, vì nhu cầu dân tộc sinh tồn trong điều kiện địa lý bắt buộc phải dành giữ lấy dân tộc tính của mình hết sức cam go suốt bao nhiêu thế kỷ. Nay thử xét xem cái tinh thần Quốc học Việt nam trải qua lịch sử, kể từ khi thoát khỏi hủ ách đô hộ của đế quốc Trung hoa để tự mình xây dựng lấy đời sống tập thể của mình, quyết định lấy số phận vận mệnh, dân tộc mình. Chỉ những dân tộc nào luôn luôn bị đe dọa mất dân tộc tính mới tha thiết bảo vệ dân tộc tính bằng một nền văn hóa dân tộc, bằng một nền Quốc học, cho nên không có chi lạ danh từ Quốc học đã sớm được nêu lên ở lịch sử giáo dục Việt nam vậy.

« Một dân tộc là một linh hồn, một nguyên lý tinh thần » như E. Renan đã viết. Cái linh hồn ấy là quốc hồn quốc túy, nó bắt nguồn từ trong cái linh thiêng của Vật tổ còn bực bực trong tiềm thức xã hội, đoàn thể khi các phần tử chưa ý thức được mình là một cá nhân còn thâm nhập cả vào trong Vật tổ, chưa phân hóa. Rồi mãi về sau, tùy theo không gian và thời gian, cái linh hồn ấy trên lịch trình sinh tồn của dân tộc mới biểu hiện cụ thể vào lãnh thổ sông núi, Hồn sông núi, vào tổ chức kinh tế chính trị, quốc gia, vào văn hóa, quốc hồn quốc túy, vào tôn giáo tín ngưỡng Tổ quốc... Bởi thế mà Lê Lợi đề tựa sách « Lam sơn thực lục » :

« Vật gốc tự Trời, người gốc tự Tổ. Ví như cây cối và dòng nước tất có gốc nguồn. Bởi vậy từ xưa các dòng Đế vương nổi lên, như nhà Thương bắt đầu từ Hữu Nhung, nhà Chu bắt đầu từ Hữu Thai. Vì rằng: gốc thịnh thì cành lá tốt, nguồn sâu thì dòng nước dài. Nếu không phải nhờ ở ân đức bồi đắp được đầy bền, phúc



đức chung đúc được lớn lao của các đời trước thì đâu có được ngày nay!»

(Lam sơn thực lục)

Vậy quốc hồn, quốc túy trước hết phản chiếu vào các vị Anh hùng Liệt nữ, các bậc người hiền đã thực hiện linh động cái dân tộc tính, đã hy sinh tính mạng và cuộc đời để xây dựng bồi đắp cho dân tộc tính. Cho nên Quốc học bất cứ của nước nào cũng phải phản chiếu trung thực quốc hồn quốc túy của nước ấy.

Gustave Le Bon nghiên cứu tâm lý tập thể sớm nhất đã nhận thức rằng:

« Sự sinh hoạt của một dân tộc cùng những biểu thị văn minh của dân tộc ấy, chẳng qua là phản chiếu cái hồn trong dân tộc ấy, là cái dấu hiệu rõ ràng của một vật không trông thấy mà có thực. Những việc xảy ra ở ngoài, chẳng qua là biểu diện của dương mối uẩn nó làm nguyên nhân ở bên trong. Thế cách tâm lý của một giống, không những là gồm những người hiện còn sống của giống ấy, lại nhất là gồm cả những tổ tiên đã để tạo ra giống ấy nữa. Trong cuộc sinh tồn của một dân tộc, không phải là người sống, chính là người chết chiếm một địa vị to vậy. Tạo ra luân lý làm chủ động cho sự hành vi của người sống, chính là người chết đó. Vậy thời trong lịch sử một dân tộc, không phải là sự ngẫu nhiên, không phải là những cơ hội ở bên ngoài, và nhất là không phải các chế độ về chính trị chiếm địa vị cốt yếu. Chính là tinh cách của dân tộc đó. »

Và Phạm Quỳnh, từng tha thiết về một nền giáo dục dân tộc cũng viết:



« Tinh cách của dân tộc là do sự di truyền mà thành ra, cũng phải nhờ sự di truyền mới đổi được. Đem những phong tục chế độ, tư tưởng, tín ngưỡng của một dân tộc nọ sang dân tộc kia mà mong biến đổi được tâm tính của dân tộc ấy đi, thì thật là mơ tưởng quá. Dù có thay đổi được, chỉ ở ngoài mặt mà thôi, chỉ đổi được phần phụ thuộc trong tâm tính mà thôi, chứ không sao đổi được phần cốt cách. Tỉ như sự học chỉ có ảnh hưởng đến trí tuệ, chứ ít có ảnh hưởng đến tính cách. Nay trong đời một dân tộc, phần trí tuệ chỉ là phần phụ thuộc, phần tính cách mới là phần cốt yếu. Phàm tiến bộ về trí thức mà không có tiến bộ về đạo đức, về tính cách thì là hư không hão huyền cả. »

(Nam Phong tháng 3-1932)

Vậy quốc học phản chiếu quốc hồn quốc túy chính là cái học để đào tạo lấy lớp người có tính cách thích ứng cho dân tộc tinh, ngoài tài năng trí thức phụ thuộc.

Nước ta trước khi có chế độ khoa cử để tuyển lựa lấy lớp người có « tính cách dân tộc » tức là có nhân cách để lãnh đạo nhân dân, phụng sự quốc gia dân tộc ở thời Ngô, Đinh đã có các thiền sư phò tá làm quân sư cho các nhà võ tướng khai quốc như Ngô Chân Lưu phò Đinh Tiên Hoàng, Pháp Thuận phò Lê Đại Hành, Vạn Hạnh giúp Lý Thái Tổ...

Bình luận về Quốc học thời ấy, sử gia Ngô thời Sĩ có viết :

« Xét sử một đời vua Đại Hành không thấy có nhắc gì đến học hiệu và khoa cử. Những thư từ đi lại ngoại giao bấy



giờ như là thư xin tập vị, lời nói uyển chuyển và đặc thể, đến bài nổi văn bài thơ Thiên thai, ca khúc tiến sử thần, tình ý lanh lẹ đầy đủ tình tứ, văn nhân ngày nay không thể hơn được. Không biết các ngài học hành từ đâu? Người anh hùng hơn đời thì đời nào cũng không thiếu, cho nên tuy không thấy có dạy dỗ hay là có những vị nho thần khởi thảo và nhuận sắc, nhưng mà như HỒNG DU học lực uyên bác, làm đến chức Thái sử, Chân Lưu cao tăng mà sung việc ứng đối với sứ Tàu, cũng làm nổi trách nhiệm thù phùng.

(Việt sử tiêu án)

Bấy giờ vừa mới thoát ly sự đô hộ của Tàu, vai trò lãnh đạo trong tay trí thức Tàu hay nguy Việt, chỉ có các chùa Phật là những lò độc nhất thân cần nhân dân, để đào tạo lấy giới trí thức có tinh cách dân tộc, vừa thông hiểu Thế học lẫn Phật học. Thế học thời ấy tức là Hán học từ phương Bắc đem xuống với Phật học từ phương Nam lên, cả hai, gặp gỡ trên đất Giao châu từ trước kỷ nguyên Thiên chúa. Và đất Giao châu tức là cõi Lĩnh nam có cái điều kiện địa lý đặc biệt của nơi Giao chỉ, của chỗ giao lưu của các dân tộc và văn hóa khác nhau. Tinh thần Quốc học hay là quốc hồn quốc túy ở đây phải có thể điều hòa thích ứng các khuynh hướng tinh thần khác nhau, mâu thuẫn xung đột thành một đại hòa điệu, đại tổng hợp thì mới có thể phản chiếu được ý thức nhân dân ở đây để lãnh đạo.

Bởi thế mà người lãnh đạo nhân dân Lĩnh nam Giao châu đầu tiên thế kỷ thứ II (Công nguyên), được nhân dân Việt nam các giới xưng tụng là Nam giao học tổ, Sĩ Nghiệp



đã thành công với cái ý thức hệ văn hóa xã hội khai phóng. Đương khi phương Bắc rối loạn, tư tưởng phân tranh địa vị độc tôn trong một xã hội đóng cửa, thì Sĩ vương duy trì được hòa bình cả cõi Lĩnh nam, vì có cái học khai phóng, dùng người không hạn chế vào một hạng Nho sĩ. Và cũng ở trên cõi Giao chỉ Lĩnh nam mà học giả Mâu Bác đã tìm thấy cái nguyên lý tổng hợp sâu rộng bao hàm được cả cái thể học của Bách gia chư tử ở phương Bắc đang tranh biện với cái đạo học siêu nhiên của Thần đạo và Phật giáo ở phương Nam, « hàm huyền diệu vi tửu tượng, ngoạn Ngũ kinh vi cầm hoàng » nghĩa là « ấp ủ nguyên lý siêu nhiên làm nước rượu, nghiền ngẫm sách Ngũ kinh làm đàn sáo ». Đây là khuynh hướng « tập đại thành » tất nhiên của văn hóa Đông nam Á mà Giao châu, tức Việt nam ngày nay là cửa ngõ. Và kết quả của công cuộc tập đại thành ấy chính là thiên học Việt nam đã trở nên quốc hồn quốc túy cho Quốc học suốt mấy thế kỷ của các triều đại thịnh vượng, độc lập, hiên hách nhất trong lịch sử dân tộc vậy.

Thời nhà Lý, vua Lý thái Tổ mới lên ngôi liền ban y phục cho các tăng đạo, xuống chiếu phát hai vạn quan tiền kho, thuê thợ xây tám ngôi chùa ở phủ Thiên đức, lập bia ghi công xây dựng thành Thăng long mà không khuôn theo phép của Nho giáo là trước hết phải xây nhà tông miếu để thờ Tiên tổ, dựng đàn xã tắc để tế Trời Đất. Quốc túy thời này hay là tinh thần Quốc học do thiên sư Vạn Hạnh đại biểu, có khuynh hướng pháp thuật thần thông vi pháp thuật là lợi dụng kỹ thuật của tinh cảm, ứng dụng nguyên lý « đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu ». Sử gia Nho học chính thống Ngô thời Sĩ cũng viết:





« Vạn Hạnh có kiến thức cao siêu, thần toán, biết trước mọi việc, cũng là tay xuất sắc trong giới thiền ».

(Việt sử tiêu án)

Đủ tỏ tư tưởng Vạn Hạnh không những đã hun đúc nên Lý thái Tông mà còn ảnh hưởng sâu rộng mấy triều vua đầu nhà Lý và cả về sau nữa, đã trở nên tinh thần Quốc học Việt nam vậy. Theo con mắt của vua Lý nhân Tông có thơ vịnh Vạn Hạnh:

« Vạn Hạnh dung tam tế,

« Ứng phù cổ sấm cơ;

« Hương quan danh Cổ pháp,

« Trụ tích trấn vương kỳ.

Nghĩa là:

« Vạn Hạnh có cái ý thức nối liền ba cõi: quá khứ hiện tại và vị lai.

« Ứng với câu phù sấm tiên tri xưa.

« Quê hương tên là Cổ pháp, kinh đô Phật giáo thời xưa.

« Chống gậy nhà chùa để bảo vệ cho kinh đô nhà vua tức là quốc gia đất nước. »

Cái ý thức « dung tam tế » ấy chính là cái ý thức thiền vượt lên trên ý thức cảm nghĩ (sensori-intellectuel) không còn chấp vào các hệ thống trí thức đối lập cái nọ với cái kia, tức là đạt tới cái trực giác siêu hình để hợp nhất tại nguồn gốc tất cả giáo lý mâu thuẫn ở



hình thức vậy. Cái ý thức ấy chính là cái ý thức « tam giáo đồng nguyên », Phật, Lão, Khổng hay là tâm linh, thiên nhiên, xã hội cùng một nguồn phát xuất là Nguồn sống linh thiêng vô hạn, là thực tại tối cao bản thể chung của thế giới thiên hình vạn trạng. Theo Vạn Hạnh thì đấy là cái ý mà ông đã thực nghiệm trong tinh thần « Nhậm vận »:

« Nhậm vận thịnh suy vô bố úy! »  
nghĩa là:

Theo nhịp vận hành lên xuống tuần hoàn bất tuyệt không còn sợ hãi!

Đấy là vận hành của Nguồn sống liên tục vĩnh cửu theo thời tiết đi đi, lại lại, xuân sinh, hạ trưởng, thu liễm, đông tàng. Cái tinh thần thiên ấy, kết quả tất nhiên của sự gặp gỡ giữa ba truyền thống đạo học Á đông trên đất giao lưu Giao chỉ đã được vua Lý Nhân Tông (1066-1126) hết sức tán dương như là tinh thần tổng hợp giữa Đời do nhà vua đại diện với Đạo do Lão và Phật đại diện:

« Giác hải tâm như hải,  
« Thông huyền đạo hựu huyền;  
« Thần thông kiêm biến hóa,  
« Nhất Phật nhất thần tiên.

nghĩa là:

« Thiên sư Giác hải có cái Phật rộng như biển,  
« Đạo sĩ Thông huyền có cái nguyên lý siêu hình,  
« Tâm linh thần thông với thiên nhiên biến hóa,  
« Một bên là Phật một bên là Thần tiên; ở giữa  
« là vua đại diện cho quốc gia. »



Vậy tâm Thiền chính là cái ý thức khai phóng hợp nhất cả Đời lẫn Đạo, hợp nhất điều dung cả ba phương diện của một nhân bản toàn diện, xã hội, thiên nhiên, và tâm linh trên thực nghiệm sinh lý tâm lý vậy. Chính đấy là tinh thần Tam giáo đồng nguyên, « l'Unité dans la diversité » của Đông Nam Á. Cái tinh thần ấy đã sớm trở nên quốc túy Việt nam cho nên năm 1180 triều Lý Cao Tông bắt đầu có mở khoa thi Tam giáo, để lấy nhân tài ra giúp nước. Nhân cái tinh thần Quốc học khai phóng ấy mà nhà Nho sĩ Ngô sĩ Liên ở thời Lê độc tôn Nho giáo, bài Lão Phật, đã có lời phê bình thiền cận như sau :

« Thi Tam giáo là để có thể thông hiểu cả ba giáo lý Nho, Đạo, Thích, cho ra làm quan. Các vị chân nho thời xưa cũng có xem rộng các sách của Bách gia chư tử, ra vào Lão, Phật. Xét cho cùng mà biết rằng đạo Lão và đạo Phật mung lung, không bám víu vào đâu cả. Trở lại tìm ở sau Kinh, sau Kinh truyền cái đạo của Khổng Tử, có mối quan hệ vua tôi, cha con, có giáo huấn về định luật của sự vật, về luân thường của nhân sinh mà tôn chỉ cơ bản ở tại chỗ « duy tinh duy nhất », khiến cho người ta một khi đã theo đạo Nho, lại thông sang đạo Lão, đạo Phật. Đạo Lão chủ thuyết thiên biến vạn hóa, có cái đức bất đức, tùy cảm ứng vật, không biết đâu là dấu tích thường còn. Đạo Phật thì nói: không có sống chết, không đến, không đi, cũng không có sức lực của gân thịt, không có cả tướng mạo. Đấy là những cái học rộng mà không thuần nhất, tâm phức tạp mất sự nhất trí, tuy có được kinh sách của vua cổ xưa như Hiên Viên, Đế Cốc để lại, hay là giác ngộ được bí truyền



huyền diệu của A Nam hay Ca Diếp, phỏng có giúp gì cho đường đời, có ích gì cho quốc dân, cho ra làm quan để làm gì vậy?»

Quan điểm trên của Nho sĩ thời Hậu Lê, chứng minh từ khi dựng Nho giáo làm chính thống cho nền giáo dục quốc gia, bỏ phép thi Tam giáo thời Lý Trần, triều đình Lê Nguyễn đã phản với quốc túy, quốc hồn không lấy làm tinh thần Quốc học khai phóng thích hợp cho điều kiện địa lý Đông Nam Á vậy. Và cũng nhân đây mà chúng ta thấy được nhờ có quốc học chân chính phản chiếu trung thực dân tộc tính mà triều đại Lý Trần đã thịnh vượng hùng mạnh.

Sử chép tháng tám năm 1253, thời nhà Trần có mở kỳ thi thông các khoa Tam giáo. Ngô thời Sĩ thời Hậu Lê cũng lại một luận điệu chấp nhất, độc tôn mà đưa ra ý kiến sau đây:

«Đạo chỉ có một mà thôi, ngoài cái học tu, tề, trị, bình của Nho giáo ra thì không có gì có thể gọi được là Đạo. Giáo lý của Phật, Lão, lập thuyết vốn khác với Nho giáo, nhưng chỗ hay cũng không ra ngoài đạo Nho ta. Trương Dung lấy chim hồng làm tỉ dụ mà bảo rằng: người Việt gọi nó là con le, người Sở gọi nó là con ắt. Người thì có người Sở, người Việt, nhưng chim hồng chỉ có một chim hồng...

Triều Lý, Trần cả hai triều đại đều tôn sùng Phật, Lão cho nên tuyển lựa nhân sĩ ắt phải lấy người kiêm thông cả hai giáo lý ấy. Tuy chính giáo và dị đoan đều được tôn sùng không phân biệt, cho nên kẻ sĩ ứng thí vào các khoa ấy nếu không học rộng biết nhiều thì





không thể được lựa chọn. Xét xem giáo lý Phật, Lão thật không phải kẻ đi học nên học tập mà cái đạo lớn của Thánh Khổng há dung cho có sự tịnh hành. Nhìn vào cái học thế tục đều bỏ thực học để sùng hoa mỹ, bỏ gốc cầu ngọn, đối với cái học tu tỉnh cho mình của Thánh hiền đã trở nên trái nghịch phản bội. Nhìn sự tri thủ của các dòng tu sĩ và đạo sĩ còn lo không kịp tới được, huống chi mong phát triển những nghĩa sâu của Thánh nhân mà làm sáng truyền thống chính học được sao? Tuy nhiên khoa mục để chọn người, phải đâu đều được hạng chân nho. Có hạng nho câu chấp vào chương cú, e rằng chưa có thể mong cậy trách vụ trị bình. Trộm nghĩ phỏng theo phép lấy kẻ sĩ nên căn cứ vào đức hạnh làm gốc. Người mà thực có bản lĩnh thì dù có kiêm thông Tam giáo Cửu lưu có chi là hại? Bằng không được như thế, mà cắt nát ở miệng tai, trộm cắp ở sáo cũ, xét cho kỹ cái chỗ có được ấy e rằng cũng chỉ là việc đẻo bánh lái trên mặt nước hay là giữ gốc cây bắt thỏ, đâu phải là việc làm của Nho sĩ. Ngu này trước luận về điều chính mà có cảm tưởng, cho nên mới bàn góp thêm vậy.

Cái quan niệm Nho giáo độc tôn thời Hậu Lê trên đây của Ngô thời Sĩ, chủ trương «đạo chỉ có một mà thôi» và đạo ấy là «của nhà Nho ta», so với cái quan niệm «Nhất tâm» của Trần thái Tông lấy làm tinh thần Quốc học thời Trần, chúng ta thấy được tư tưởng bế quan với tư tưởng khai phóng, đảng nào phản chiếu trung thực dân tộc tính, đảng nào thích ứng với vận mệnh của dân tộc. Vua Trần thái Tông viết:

«Khổng Tử viết: triều văn đạo, tịch tử khả hỹ.



Lão Tử viết: ngộ sở dĩ hữu đại hoạn giả vi ngộ hữu thân.

Thế Tôn cầu đạo sả thân cứu hồ.

Khởi phi tam Thánh nhân khinh thân nhi trọng đạo giả tai?

(Khóa hư lục)

*Nghĩa là:* Khổng Tử nói: «sớm được nghe đạo lý, tối có chết cũng được vậy». Lão Tử nói: «ta sở dĩ có sự lo lắng lớn là vì ta có cái thân thể». Phật Thế Tôn thì cầu tìm đạo lý mà hy sinh thân thể để cứu con hồ đơi! Chẳng phải như thế là cả ba Thánh nhân của ba giáo lý đều khinh bỏ thân thể mà quý đạo lý đấy ư?»

Và trong bài văn giới sát, Thái Tông cũng viết:

«Nho điển thi nhân bố đức, Đạo kinh ái vật hiếu sinh Phật duy giới sát thị trì.»

*Nghĩa là:* «Sách Nho dạy thực thi lòng nhân ái, Đạo đức kinh thuyết yêu vật và hiếu sinh. Còn nhà Phật cốt giữ giới sát sinh».

Do đấy mà Trần thái Tông đã lấy thực nghiệm Thiền đến chỗ Nhất tâm sáng chiếu để đồng nguyên Tam giáo làm tinh thần và chương trình Quốc học, thi «thông Tam giáo chư khoa»:

«Khởi thức Bồ đề giác tính, cá cá viên thành; tranh tri Bát nhã thiện căn nhân nhân cụ túc. Mạc vấn đại ần tiểu ần, hưu biệt tại gia, xuất gia. Bất câu tăng tục nhi chỉ yếu biện tâm, bản vô nam nữ nhi hà tu trước tướng? Vị minh,



nhân vọng phân Tam giáo, liễu đặc đề đồng ngộ nhất tâm».

(khóa hư lục)

Nghĩa: «Biết chẳng cái bản tính Bồ đề (giác ngộ) thì mỗi người đều thành tựu viên mãn, mà hay gốc lành Bát nhã (minh tri) ai nấy đầy đủ. Chớ hỏi người này ẩn sĩ lớn, ẩn sĩ nhỏ, đừng phân chia người xuất gia với người tại gia. Chẳng nên câu chấp về hình tướng tăng hay tục, chỉ cốt biện biệt cho rõ bản tâm, vốn không có phân ra tâm đàn ông hay tâm đàn bà khác nhau, thì sao còn chấp vào hình thức? Chưa sáng tỏ giác ngộ, người ta lầm phân biệt ba giáo lý khác nhau, đến khi hiểu thấu đến gốc nguồn thì cùng một Tâm giác ngộ».

Thực vậy, Phật giáo đặt cứu cánh tại nơi phá trạng thái vô minh, mê vọng (avidya), Lão giáo cũng quan niệm «tự tri giả minh» (自知者明): «biết được tự thể của mình là sáng», Khổng Tử cũng chủ trương cái đạo đại học là «minh minh đức» «làm cho sáng cái đức sáng bản lai». Cả ba giáo lý truyền thống Á đông đều đặt cơ sở trên đức sáng lấy làm thực tại tối cao, như sách Trung dung của Nho giáo viết: «Thành giả Thiên chi đạo» (識者天之道): «Thành thật là Đạo Trời» vì «thành tắc minh» (識則明) «thành thật thì sáng». Cho nên Thái Tông cũng lấy cái «chí thành tâm» (至識心) để hợp nhất Đời và Đạo, Hành và Tri vậy.

Xem thế đủ thấy «Đạo chỉ có một» là cái Một tối cao, đại đồng, «đồng qui nhi thụ đồ» «tùy duyên bất biến» «L'Unité dans la diversité» của Philosophia Perennis hơn là của riêng Nho gia như Ngô thời Sĩ đã độc tôn vậy. Trần thái Tông quan niệm Đạo ở tại «Nhất tâm chí thành» đặt



cơ sở Quốc học trên tinh thần khai phóng của truyền thống «Tam giáo đồng nguyên», quả đã phản chiếu trung thực dân tộc tính từ ngàn xưa, hướng chiều tự do, độc lập trong khu vực giao lưu văn hóa và chủng tộc của Đông Nam Á vậy.

(còn tiếp)

NGUYỄN ĐĂNG THỰC

## ĐẠO PHẬT NGÀY MAI

của B' su Danglu

- \* Một cuốn sách khiến cho Phật tử thao thức mất ngủ
- \* Một gáo nước lạnh dội vào cái tự hào tự phụ của người Phật tử
- \* Một cánh cửa hé cho Phật tử thấy nguy cơ của sự tận diệt Nhân loại và Chính pháp

*Lá Bối xuất bản và phát hành*

*nhà sách xin viết thư về Lá Bối 120 Nguyễn Lâm Chợt lớn*





# tiếng nói của con người trên mặt đất

---

- \* huytởng
- \* nguyễntônghan

## MƯỜI PHƯƠNG TỔ VỌNG

PHƯƠNG CHIỀU,

Trùng hai mắt vọng bia trời  
Cồng tồn sinh mở mù khơi nắng tà  
Lòng tay nát mộng châu sa  
Phương chiều bãi quạnh mưa qua bến mình  
Nghiêng tâm con mắt soi kính  
Vãng nghe tâm lặng hồn chênh chếch về  
Phôi thu rụng lá mây đê  
Phiền ban sơ dậy đất se sắt lòng  
Im nghe thác máu loạn dòng  
Trôi phiêu lạc giữa vô cùng mộ Không...



## PHƯƠNG NGƯỜI,

Bữa im chết xuống không cùng  
 Cây say khói ngã nghiêng vầng nguyệt xanh  
 Niu tay ly biệt trên cành  
 Rung mây cổ xừ vàng hanh mộng người.

## PHƯƠNG MỘ,

Cúi hờn soi lưới mira sa  
 Hư vô thắm thắm huyết tà dưới chân  
 Ôm xương trắng hạt vi trần  
 Khuất trong thiên cổ lệ trần ai rơi,  
 Bao năm đuổi bóng trên đời  
 Khóc câu oan nghiệp lửa ngời tha ma  
 Về cô độc giữa sương hoa  
 Mới hay cỗi chết nắm nhà ta xưa!



PHƯƠNG SA MẠC,

Chân đi rớt dấu lạc đà  
In trên cát tối đêm mù lòa sương  
Rạng đông lửa cháy vô thường  
Tôi run rẩy trốn về phương cố cùng...

PHƯƠNG MÙ,

Lạc sông bến đò cơ trần  
Chiều say nước lũ cuốn phù vân đi  
Dấu chân khỏ đá còn ghi  
Đường chim bóng rộng ôm ghi siết hoa  
Trời xưa vẽ nét mù sa  
Trên bia mộng ảo hồn chia xa người.



## PHƯƠNG THIÊN,

Hồn ngã lưng dựa bóng mây  
 Chiều tham thiên sóng vỗ gầy biển mờ  
 Rung chuông sao chạm phương mờ  
 Tịnh huyền nào đồ loang hồ chiêm bao.

## PHƯƠNG KHÔNG,

Phượng hoàng rã bóng qua đêm  
 Gieo màu tang hải bên thềm mây bay  
 Tôi về suốt một rừng cây  
 Chạy heo hút lệ sương đầy hoang liêu  
 Khuya nằm ấp gối rong rêu  
 Mơ hồn chim ngủ bay liêu lĩnh mưa



## PHƯƠNG LÁ CỎ,

Khuya mé động bước trên đồi  
 Nghiêng u hiển lá tỏ lời đi hoang  
 Mái sương bỏ vắng canh vàng  
 Về im rữ mộng bẽ bàng nhựa khô  
 Gieo cánh bóng cuốn cơn mơ  
 Màu trắng thiên cổ hững hờ giọt hư  
 Khuya mé động bước thanh từ  
 Ôi ghê lạnh chút hoang vu bến hồng...

## PHƯƠNG KHÓI MỘNG,

Mây cao xuống lá nghiêng dòng  
 Rụng trời thiên cổ đuối hồng trăm hoa  
 Tôi về nhưc gió mù sa  
 Gieo màu trắng mộ phủ nhòa vết thu  
 Chân đi lạc nẻo non mù  
 Động bờ tâm vọng giọt phù ảo rơi...



PHƯƠNG CỔ CÙNG,

Nhốt trong tim ánh lửa ngời  
 Nửa khuya mưa máu độc trời huyền ngôn  
 Tôi nằm lã tóc cô đơn  
 Cúi xa thăm liếm oan hồn tôi xưa  
 Khói xanh loang sắc âm thừa  
 Mười phương tổ vọng mắt trư nẻo cùng!

HUY TƯỜNG

(trong Một Mùa Tóc Mộ)

ĐÃ PHÁT HÀNH KHẮP NƠI:

## MỘT MÙA TÓC MỘ

Tiếng nói buốt lạnh của một người,

của con người trên mặt đất...



THIÊN NHIÊN CA

nguyễn tôn nhan

HẠO NHIÊN

Thu vàng gieo tấm hột  
Ai đẩy ghe bên bờ  
Sóng mềm mại tan xô  
Trăng mênh mỏng xuất cốt  
Thu thiển môn mái dột  
Khẽ ngấm kinh ngạo ca

ĐỒNG TỬ NGÂM

Quả náu sông lên non  
Ồ thiên nhiên đồng ngã  
Đất nứt con chuồn chuồn  
Đê đầu sương tuyết hạ  
Về đâu chùm hoa nhỏ  
Nở triệu nhánh độc hương  
Áo dà bay trước ngõ  
Bát ngát Như lai trầm  
Rung rinh hồn từ độ...



## NGẪU TÁC THIÊN NHIÊN

Thung dung chim bay về  
 Sương đầu non tỏa búp  
 Trời đất lạnh tê tê  
 Vì đâu làm sao biết

## QUÁN

Mắt non bên cội tùng  
 Tâm tỏa ưn nhiên độ  
 Ngồi ngó mẫn khai hương  
 Mái đầu xanh cỏ độ  
 Xập xoè bông trắng bay  
 Hồn mê man khóc nhỏ



## ĐỀ THƠ TẶNG RIGVÉDA MARIA

Ngắt nụ chè dưới mảnh  
 Gửi hương mùi thạch thảo  
 Trăng một bát mong manh  
 Tóc hương toà sen ngự  
 Đem nhớ đủ chín chiều  
 Trăng một bát vàng xiêu

## ÁO NGHĨA

Xa xa mưa xa xa  
 Mê sáng thay lòng ta  
 Ổ cánh chim se sẻ  
 Rớt xuống cụm ác tà  
 Rớt rồi mảnh thu đại  
 Rớt rơi hư huyền khối ta bà  
 Đen xanh nụ ác hoa  
 Vô vi thay lòng ta  
 Ổ bóng con bọ cạp  
 Xôn xao sinh nở trước hiên nhà

NGUYỄN TÔN NHAN





Phát hành vào trung tuần tháng chín năm 1970

## CON ĐƯỜNG SÁNG TẠO

Tác phẩm đặc sắc nhất bàn về sáng tạo nghệ thuật

NGUYỄN HỮU HIỆU GIỚI THIỆU

### I

*Nói về sáng tạo,*

Henry Miller (*Sexus*)

*Con đường của kẻ sáng tạo*

Nietzsche

(*Also sprach Zarathustra*)

*Làm Thi Sĩ*

Rimbaud (*thơ*)

### II

*Bàn về bút pháp,*

Schopenhauer.

*Suy tưởng về sáng tác,*

Henry Miller

(*The Wisdom of the Heart*)

*Sứ mệnh của nhà văn,*

William Faulkner

*Giải thoát: đề tài tối thượng*

Henry Miller

(*The Books in my Life*)

*Cái Tôi hay văn chương tự sự kè,*

Nguyễn Hữu Hiệu

### III

*Lời khuyên nhà văn trẻ tuổi*

André Gide

*Thư cho một Thi Sĩ trẻ tuổi,*

Rilke

*Mười một giới răn,*

Henry Miller

*Tại sao bạn không thử viết đi?*

Henry Miller (*Sexus*)

QUẾ SƠN – VÕ TÁNH – XUẤT BẢN





# CHUNG QUANH VẤN ĐỀ QUỐC HỌC

---

KIM ĐỊNH

Việt nam có quốc học hay không?

Đó là vấn đề đã được đặt ra và nhận được hai loại trả lời là có và không và cả hai phe đều có lý của mình. Thừa có đúng lý ở chỗ ta có tiếng riêng có lối phát biểu đặc biệt, đã hiện thực vào các tác phẩm, có tác giả và tất nhiên thân thể sự nghiệp hoàn cảnh sinh hoạt của họ, bấy nhiêu điều khác các nơi khác thì chối không có quốc học sao được.

Bên thừa không thì cho rằng ngôn ngữ và những lối phát biểu thông thường chưa đủ làm nên một quốc học, để xứng danh một nền quốc học phải có những môn căn bản chẳng hạn như triết học, nước ta chưa có triết hơn nữa chưa có đến cả một nhà tư tưởng thì lấy gì để xứng danh là một nền quốc học.





Chúng tôi cho rằng cả hai lối thừa đều hữu lý nên mãi mãi sẽ còn có người bảo trợ cho phe này hay phe kia, nhưng nếu chúng ta chỉ dừng lại ở đó thì nó sẽ trở thành gọng kìm ngăn chặn bước tiến. Vậy cần mở một lối mới vượt ra ngoài có với không bằng cách xây dựng những gì còn thiếu sót. Trong nền học vấn nước nhà chúng ta còn thiếu những gì? Tôi rất đồng ý với những người cho là còn thiếu triết. Chúng ta đã có đủ văn chương chữ nghĩa nhưng đấy mới là bước đầu, còn thiếu hai bước nữa mới làm nên một nền quốc học ít ra là nền quốc học vẹn toàn. Hai bước đó là triết và văn hiến.

Trước hết bàn về bước hai là Triết. Về điểm này tôi xin minh định ý nghĩa triết ở đây hiểu theo lối mới tức là có xác định, có chứng minh và hệ thống. Chỉ theo ý nghĩa đó thì các cụ xưa mới thiếu, còn theo nghĩa rộng thì nền học của ta đã có triết rồi, nhưng lối trình bày minh chứng cũ không đủ nữa cho đời nay, vì thế mà tôi cho là thiếu triết theo nghĩa mới mà thôi. Sở dĩ tôi cho là thiếu sót vì không có triết lối mới thì làm sao đứng vững trong giai đoạn đua chen với đời sống quốc tế hiện nay, một đời sống đầy ứ ý hệ đầy ứ các tư trào, các loại văn hóa khác nhau đang tràn vào quê hương của chúng ta để tranh « khoảng sống » với chúng ta. Thiếu triết thì quốc học sẽ thiếu hương sống, thiếu mạnh mẽ và sẽ bị phân hóa để rồi tiêu trầm, nên có cũng kể như không. (1)

Đàng khác triều thiết thì làm sao giải quyết được vấn đề then chốt là dân tộc tính, mà nếu không qui định nổi dân tộc tính thì nói đến quốc học chỉ là truyện chơi chữ, thiếu nội dung. Muốn tìm ra dân tộc tính thì cần phải có triết, vì triết là triết: có đi đến triết đề mới nhìn ra những nét nào là đức





*tính riêng biệt* của dân tộc. Ngay một chữ đức tính đã nói lên nhu cầu của triết, vì chỉ có triết mới vượt vòng ngoài thấu tới vòng trong gọi là đức là tính, nên mới nói được những đặc tính trường tồn. Ngoài ra còn phải nhìn rất rộng mới nhận ra được những gì là đặc trưng riêng cho dân tộc mình mà không cho dân tộc khác. Hễ không chứng minh được hai điểm đó một là đức tính nghĩa là nét đó phải *trường tồn cố hữu* với dân tộc, hai là đức tính đó phải có một cách đặc biệt khác mọi nơi, có chứng cứ phân minh đủ gây nên sự thâm tín. Thiếu điều đó thì không đủ để nói đến dân tộc tính. Đành rằng có những người không học triết cũng có thể nhìn ra những nét đó, nhưng điều ấy chỉ chứng tỏ người nọ có óc triết. Rất nhiều người không học triết mà có óc triết. Tuy nhiên người có óc triết mà lại học triết thì tài năng kia sẽ được phát triển để cái nhìn càng thấu triết chưa được vun tưới nên tài năng triết đã không được tài bồi, và do đó những nét đặc trưng của dân tộc chưa được nhìn thấy ít ra cách có hệ thống và lý giải. Bước vào thời mới ta vẫn nghe nói Việt nam không có dân tộc tính thì câu ấy chỉ có nghĩa là chúng ta chưa có một nền triết đề mà nhìn ra được dân tộc tính, cho nên chớ không có dân tộc tính là phải: phải cho những người viết như thế nghĩa là những người viết thế không phải là triết gia nên chớ đi là thành thực với lòng. Nhưng đúng với lòng những người không có óc triết, mà chưa đúng với sự thực khách quan. Sự thực khách quan đó cần phải tìm cho ra đây là chỗ chúng ta cần chờ câu trả lời của triết. Khi nào đưa ra được những nét đặc trưng không thể chối cãi, có nguồn cơn gốc ngọn, có những âm vang vào cuộc sống dân tộc... thì từ lúc đó chúng ta mới có quốc học theo nghĩa đầy đủ



là chăm sóc vun trồng cho những đức tính của dân tộc.

Sau triết thì đến bước thứ ba là Văn hiến. Văn hiến là những người tự hiến thân tâm cho cái văn cao cả là cái văn liên hệ mật thiết đến những nhu yếu thâm sâu của con người. Sự hiện diện của những văn hiến là bảo chứng cho giá trị của một nền văn, của một nền quốc học, vắng bóng văn hiến là dấu tỏ rằng nền văn học đó có những thiếu sót trầm trọng vì đã không huy động nổi thân tâm người học ít ra những phần tử cốt cán. Tây Âu không có văn hiến mà chỉ có tôn giáo hiến tước các tu sĩ, chứ không có những người lấy triết làm sứ mạng trọn đời. Nhận triết học như một chức nghiệp thì khác vì đấy không là văn hiến mà là những học giả, những chuyên viên, những giáo sư triết, nghĩa là một chức nghiệp trong các chức nghiệp: rất khác với văn hiến bằng chiều sâu của cả một khối băng tâm bao hàm một sứ mạng. Tại sao văn hóa Tây Âu thiếu văn hiến thì sẽ được bàn ở chương sau. Ở đây chúng ta chỉ cần nhấn mạnh rằng thiếu văn hiến thì một nền văn hóa chỉ còn là một nền văn học với những tri thức suông sẻ, những sự thực lạnh không đốt nóng được tâm hồn. Cái học đó không phải là cái học dẫn đến hiện thực theo nghĩa cải hóa con người, làm đẹp thêm những mối nhân luân trong xã hội. Để được như thế cần phải có cái học gây dựng nổi những văn hiến cái học đó phải là thế nào đủ để cho những bậc tinh anh cao thượng trong nước trọn đời hi hiến thân tâm như nền cổ học của chúng ta đã gây nên được như thế. Nhưng nay các vị đã khuất lặn, mà nền tân học không tạo nên được những văn hiến mới để kế tiếp cho các cụ xưa, đang hoạt động trong một môi trường đã đổi mới hẳn. Làm thế nào để nền học mới lại có đủ sức hấp dẫn như xưa thì đó là sứ mạng của quốc học và chúng ta





sẽ bàn sau. Ở đây chỉ cần nhấn mạnh đến sự thiết yếu của văn hiến, thiếu văn hiến như những cán bộ, như những tông đồ thì bao nhiêu sách vở mất đi quá nhiều sức tác động. Thế giới hiện nay có nhiều cán bộ, có nhiều chiến sĩ, nhưng chưa có văn hiến. Với cán bộ hay chiến sĩ xã hội chỉ được điều lý theo một ý hệ hay tư trào, hoặc tôn giáo nào đó ít có âm vang lành mạnh vào xã hội như công bằng, bình đẳng, huynh đệ v. v... Tôi nói âm vang là nói có thực chứ còn thuyết với lý thì đã có tràn ngập. Muốn có âm vang nghĩa là thực chất cho những thuyết cùng lý kia thì phải có văn hiến. Khi một nước có đủ văn hiến thì nước ấy sẽ không còn là chính hiến, võ hiến, tiền hiến, tôn hiến mà sẽ trở nên văn hiến chi bang tức là bậc cao nhất mà một nền quốc học có thể hướng tới. Đây là những bước đường mà một nền quốc học cần phải đặt ra trước mắt và luôn luôn cố gắng hiện thực. Bao giờ hiện thực được là truyện khác nhưng trước hết chúng ta phải biết chúng ta muốn gì, hướng đi đâu, đường đi có bao nhiêu chặng thì đây là mục đích tập sách này.

\* PHỤ CHÚ

#### TRIẾT HỌC CHỈ LÀ ĐỀ TRANH LUẬN?

*Đây là lời trách thường gửi đến cho triết. Đề giải thắc mắc xin trích dịch một bài diễn văn của ông Seldon đọc tại hội nghị quốc tế triết học ở Honolulu 1949 (Moore. 289)*

*« Âu châu muốn xem (hỏi tại sao) Á châu muốn thành (hỏi làm cách nào). Tuy nay chúng ta dùng cùng một danh từ triết nhưng với Âu châu triết là để xem còn Á châu triết là để thành. Philosophy for the West is to see for the East is to be.*



Sự khác nhau giữa lý thuyết và thực hành giữa suy tư và hành động là sự khác biệt sâu xa nhất giữa hai bên. Dewey nói rằng khi ta lạc trong rừng thì cái nhìn trúng là cái nhìn giúp ta ra khỏi rừng. Cho nên Đông phương đừng coi thường thái độ triết lý vụ thực của mình. Hiện nay Âu Tây đang chống lại thái độ chỉ toàn thuyết với lý do Hi Lạp truyền lại. Âu châu chỉ chứng minh có Thiên chúa. Với Á châu trái lại sự chứng minh trung thực nhất chính là kinh nghiệm trong cả sự siêu thoát huyền niệm lẫn trong lối hành xử ở đây và bây giờ, ngay trong thời gian này. Đông phương có óc dung thông đối với những ý kiến khác nhau là nhờ có được mối đồng tâm then chốt do sự cảm nghiệm trên cái Thực Tại và trên quyền lực của cái Thái Nhất dù đạt được cách tích cực trong vạn vật, hay tiêu cực nhưng cũng vẫn tin là ngấm xuyên qua mọi đối cực để làm nên trần gian. (*The East is more tolerant of its own differences because there is a central agreement due to the experiential perspective upon the reality and power of the One...*) Tây Âu thì độc hữu hơn, chuyên chú hơn đến việc bài bác nhau là chính bởi đã từ lâu tin vào lý chứng suông thay cho thực tại. (Nhớ rằng Tây Âu chứng minh sự hữu Thiên chúa bằng ngũ lộ: năm con đường, hay là năm loại lý chứng tất cả dựa trên lý trí suông, duy có lý chứng bằng sống, bằng cảm nghiệm thì lại bỏ qua). Lẽ ra mọi nền triết phải kiêm cả lý luận lẫn kinh nghiệm, nhưng thói quen xem suông bằng lý thuyết đã được thí nghiệm bên Tây Âu và kết quả là biến triết thành một cuộc cãi lầy không cùng và ngày nay đang rút lui vào tháp ngà của phương pháp luận và cơ cấu ngôn ngữ chứ không mấy may lo tới việc xen vào thế giới thực. Chính vì đặt trọn vẹn lên sự ngấm nhìn nên triết học



*Tây Âu đã thất bại trọn vẹn. Bên Đông phương nhờ chăm chú vào hiện thực nên ít ra đã bớt được đến tối đa sự phi bác lẫn nhau. A retreat today into the ivory tower of Methodology and language structure without the slightest prospect of emerging to look at the real world. Seen only from its own contemplative perspective Western Philosophy has been a complete failure. Not in the East where the practical animus has at least minimized mutual refutation.*

## Sự hình thành nền Quốc học xuyên qua các đời.

Một số những đức tính dân tộc được ghi lại trong chương trên đã phát xuất từ một cơ cấu tinh thần có từ xa xưa. Tuy nhiên vì không gặp môi trường thuận lợi nên nó đã thích ứng với những điều kiện từ ngoài mà thay hình biến dạng nên khó nhận ra. Ở đây chúng ta đứng về phương diện triết để đặt một cái nhìn cai quát trên nền văn hóa nước nhà bằng phác họa một hai nét chính khả dĩ có thể làm sườn cho một trong những lối viết quốc học sử chưa có ai hiện thực, bởi vì cái sườn này đứng về khía cạnh của triết lý nhân sinh chứ không còn là văn học suông nữa. Theo đó ta có thể chia văn hóa sử thành bốn giai đoạn như sau:

### *Thời kỳ manh nha*

Một nền triết đáng gọi là nhân sinh phải gồm cả ý, tình lẫn...



*Chi* biểu hiệu ra bằng công việc.

*Tình* qua nghệ thuật như văn thơ, truyện, tuồng, kịch...

Ý qua tư tưởng và chủ thuyết. Nhìn chung lại thì ta nhận thấy văn hóa nước nhà đã thành tựu ở *chi* và *tình* nhưng còn *ý* thì kể là thiếu. *Chi* bao hàm cơ cấu tâm linh là cái đem lại sự hiệu nghiệm sự bền bỉ lâu dài và có mạch lạc ngầm (mạch lạc hiện rõ chỉ ở *ý*) chính vì thế *chi* bao giờ cũng có *tình* đi kèm. *Tình* ví được như lửa hun nóng bầu năng lực đủ sức thúc đẩy để đưa đến tác động tức là đưa đến *dụng*. Vì thế *tình* và *chi* vẫn xoắn xuýt lấy nhau và cả hai yếu tố này đã xuất hiện từ xưa, ta có thể cho là tự đời huyền sử thuộc Phục Hi, Nữ Oa, Thần Nông. Phục Hi như đại diện cho *chi* tức cơ cấu uyên nguyên là cặp âm dương làm nên kinh Dịch. Nữ Oa đại diện cho mối *tình* thâm sâu đến độ nối kết đất trời lại làm nên con số năm biểu thị bằng cái qui tức mối tình thiên nhiên là mối tình gắn liền với văn minh nông nghiệp. Nền văn minh này được đại diện bằng danh hiệu Thần Nông, nói lên tính chất nông nghiệp (thôn dân) của nó. Một nền văn hóa mà đàn bà đóng vai trò quan trọng, nên sau Nữ Oa chúng ta còn có Âu Cơ, My Nương, My Châu, Trưng Trắc, Triệu Âu... đại diện cho khía cạnh thiên nhiên (nông nghiệp) nên rất có lý mà đoán rằng chữ *My* chính ra là chữ *Mễ* (gạo: nông nghiệp). Đó là đại khái mấy nét then chốt đã hiện lên ở thời sơ khai: vì sơ khai nên nói hoàn toàn bằng ngôn ngữ thần thoại là loại ngôn ngữ rất co giãn mập mờ dành riêng cho những cái gì âm u thấp thoáng. Đây là lúc tương đương với thời bái vật, nhưng trong nền văn hóa Nho Việt có may mắn gặp được ngay từ thời này



mấy vị hiền triết nên đã nhìn ra được cái cơ. Nhờ đó sẽ bước vào giai đoạn hai một cách đặc biệt.

### *Giai đoạn 2 và 3*

Thường thì đây sẽ là giai đoạn ý hệ, nhưng vì nhờ đã khám phá ra Cơ nên văn hóa giai đoạn hai không là ý hệ vì ý hệ là duy lý mà đây vẫn có yếu tố tâm linh (cơ) nên không có ý hệ ít ra cách trời vượt. Mở đầu giai đoạn hai này là Hoàng Đế cầm đầu văn minh du mục của Hoa tộc tràn vào, khởi lên đợt hai với ý thức rõ rệt hơn, vì ý chỉ được phát triển cách đầy đủ ở những văn minh du mục, công thương chuyên về chinh phục do đếm với sự trội quyền của cha cũng như của võ bị. Với Hoàng đế dẫn đầu du mục thì ý nổi mạnh và đưa văn hóa Viêm Việt lướt qua trên giai đoạn ý hệ. Sở dĩ lướt qua là vì yếu tố Viêm Việt quá mạnh nên giai đoạn hai không là ý hệ, mà chỉ là bá đạo, pháp hình (dụng của ý hệ) đối với vương đạo lễ trị (dụng của tâm linh). Bá đạo cũng là sự thắng lướt của lý trí nhưng chưa đến nỗi hủy diệt được cơ, mà chỉ vận hành ở đợt chính trị (óc chuyên chế) còn sự thử đi vào độc chuyên lý trí, tức hủy diệt các sách khác để bắt học các sách luật như Tần thủy Hoàng đã thử làm thì thất bại. Tuy vậy cuối cùng óc độc chuyên đó đã gây nên óc Hán Nho mà ta có thể coi là giai đoạn III.

Chính giai đoạn III này đã đại diện cho Nho giáo và đã tràn lấn trên mảnh đất Việt, lẽ ra phải là nơi nung nấu của Nho giáo nguyên thủy, thế nhưng cuối cùng Việt Nho cũng phải ép mình dưới phủ việt của Hán Nho. Vì thời kỳ này kéo quá dài ở bên Tàu lẫn bên ta nên làm



cho người Việt nam quên bém đi tác quyền của mình trên Nho giáo. Có thể nói tinh thần Việt Nho đã lụi đi hẳn trong hơn một ngàn năm Bắc thuộc cho đến mấy đời độc lập nhất là đời Lê thì mới ú ớ nửa tỉnh nửa thức vì thế với nước ta đây có thể coi là giai đoạn 4.

#### *Giai đoạn 4.*

Một trong những nét đặc trưng của giai đoạn này là chống Tàu, và trong thời ấy có rất nhiều nét Việt nho được chỗi dậy như được ghi lại trong quyển Lĩnh nam Trích quái của Trần thế Pháp. Đó là một tuyển tập những câu truyện ghi lại cuộc chống kháng văn hóa Tàu đã trải qua nhiều ngàn năm, nhưng vì là sự đối kháng của kẻ yếu nên phải nói bằng huyền thoại tức là lối văn âm u và quá hàm hồ đến nỗi ý thức dân tộc về phương diện văn hóa không đủ sức mạnh đề nổi lên trên mặt tâm thức, và vì thế không sao có được một triết gia, hay dù chỉ một tư tưởng gia nào, mà chỉ có những triết gia hụt, cũng như những tư tưởng gia hụt.

Có lẽ Từ Thức đại diện cho những triết gia hụt đó. Từ Thức đã lên đến cõi tiên ở với tiên nhiều chục năm mà lúc trở về trần cầu to vo một mình đơn chiếc không có lấy được một mụn con đi kèm. Theo tiếng nói của Huyền sử thì đây là một sự thành công nửa vời. Thành công về tình bởi Từ Thức đã lên tiên lấy vợ tiên tức là Tình đã thâm hậu lắm. Rồi *chí* cũng sâu vì đã đạt cơ biểu thị bằng việc Từ Thức đã đi qua hai điện Quỳnh hư và Giao quang. Quỳnh hư là hào 4: « *hoặc được tại uyên* » còn Giao quang thì lẽ ra là hào năm là đợt cao nhất trong triết lý An vì được ghi lại trong quẻ Kiền bằng câu « Long phi tại thiên thánh nhân tác dã. » Triết lý



An vi gồm hai bước một là lên cùng cực để rồi xuống cùng cực: nói khác có chí trung (lên cùng cực) mới đạt chí hòa (xuống cùng cực). Vì thế chí hòa sẽ là thước đo độ vào của chí trung. Chí trung là «long phi tại thiên» «thánh nhân tác dã» chí hòa là «đại nhân tạo dã»! «Thánh nhân tác dã» có thể coi như những cái nhìn thấu triệt đến những nguyên lý nền tảng, còn «đại nhân tạo dã» có thể coi như những mối liên hệ cụ thể hiện thực vào tận những việc tầm thường. Khả năng bao quát được nhiều hay ít những việc tầm thường này là do cái nhìn thấu thị vào nguyên lý, thấu vào càng sâu thì tỏa ra càng rộng. Rộng mà cùng cực bao la khắp hết thì gọi là Thái hòa, cũng gọi là Hòa thời hay Việt thời gồm cả triết thượng lẫn triết hạ, cả 50 con theo mẹ lên núi (lên tiên) cũng như cả 50 con theo cha xuống biển (sâu hơn đất) Từ Thức đã lên đến cung «Giao quang» thì tất nhiên cũng phải có cuộc trở về triết hạ. Ai chê Từ Thức đại bỏ cõi Tiên về cõi trần đầy tham những bất công là tỏ ra không hiểu triết lý An vi có lên mà cũng có xuống, lên tới hào 5 thì lại liên lạc với hào 2, nên người trách Từ Thức là tỏ ra đã ở li lại hào 4 «được tại uyên» rồi. Triết lý An vi khác hơn triết học lý niệm hay vô vi ở chỗ dẫn tới việc dẫn thân để biến cải xã hội... Vậy thì ta nên mừng vì Từ Thức trở lại gian trần hơn Platon chỗ đó. Platon lên đó rồi ngồi ngắm không chịu trở về gian trần, nên coi gian trần như bóng hạng ba. Từ Thức lên tiên có thể là chỉ văn học nhà Lý nặng nề xuất thế. Từ Thức trở lại cõi trần là văn học nhà Lê nhập cuộc mạnh hơn. Ta chỉ cần hỏi cuộc trở về có đạt quan chãng. Và phải thừa rằng kể ra thất bại hay nói cho thực xác đáng thì thành công được 2/3 tức có *trình* và *chí* còn *ý* vẫn nằm gàn bát sách... Huyền sử nói đến thất bại bằng sự việc con cháu không nhận ra Từ Thức nữa? Nhận ra sao được



nữa vì Từ Thức đã đi trật đường văn hóa dân tộc. Ông bảo ông lên tiên. Hay lắm, nhưng đâu nào là bằng chứng. Tiên đẹp chứ xấu gì? Thế tại sao ở giữa bầy tiên đến gần một thế kỷ mà không được mụn con nào thì một là ông mù hai là sự khám phá tiên chưa đủ sâu đến hạ tầng cơ sở, thành ra trở về tay trắng. Nói theo triết vậy là chưa chí trung mà không chí trung thì khó lòng chí hòa. Và việc phải xảy đến đã đến: thấy con cháu không nhận ra mình Từ Thức bỏ làng sang Tây! Tây đây là Tây trúc quê hương của vô vi xuất thế. Vậy có nghĩa là Từ Thức không đạt chí hòa. Nếu đạt thì ở ngay lại làng chứ còn phải đi đâu nữa? Ở lại làng cũng gọi là «*Ở đời*» có nghĩa là chu toàn sứ mạng của triết gia trong một giai đoạn nhất định. Sứ mạng đó có thể tóm vào ít nét đại cương như sau:

1/ Lôi lên mặt ý thức nội dung nằm trong những câu nói bóng gió của ký ức tập thể cũng là thuộc tiềm thức cộng thông về việc chống đối Tàu. Đây là việc làm cần thiết để lay tỉnh quốc dân. Nếu việc ấy mà thành công thì sẽ đi đến chỗ đặt nổi lên phần đóng góp của Viêm Việt trong việc hình thành Nho giáo. Sau đó đến việc gỡ Nho giáo ra khỏi bụi gai Hán học để làm hiện lên cái cơ cấu uyên nguyên của Việt Nho. Cuối cùng tháp vào đấy những suy luận những dữ kiện mới để thiết lập nên một nền triết lý vừa vững mạnh vừa âm hợp cho tâm trí dân tộc mình. Đó là việc mà Từ Thức đã không làm được. Trong thực chất có nghĩa là cả kẻ sĩ và về sau cả trí thức đã không thiết lập nổi một nền triết cho dân tộc. Cả hai đều lên tiên: với kẻ sĩ thì tiên là thi phú suông; và trí thức thì tiên là ý hệ xa rời thực tế, cắt đứt với hàng triệu thôn dân, vì thế đối với nền quốc học cũng một tuồng như Từ Thức: trở về tay không.





Về điểm này tri thức có lẽ còn kém cả kẻ sĩ Hán Nho vì dẫu là là Hán nhưng còn là Nho, nên còn có cơ cấu tức còn có đạo sống tuy lơ mờ. Nhưng đến tri thức thì đạo sống cũng mất luôn và để cho nước đi đến chỗ phân hóa cùng cực. Bởi vì *từ* và *ý* có phát triển tùm lum nhưng thiếu *dụng* và *cơ* thì kẻ là thiếu trọn vẹn. Đây là một thiếu sót mà thế hệ mới đã nhận ra và đã nói lên nhiều lần. Tuy nhiên lại muốn bù đắp chỗ thiếu sót bằng khiêng y nguyên triết Tây trảm vào lỗ hồng. Cái hồng hiện ra rõ rệt = Trước hết vì triết Tây thuộc loại triết cá mè một lứa, thi truyện tiêu diệt lẫn nhau là chắc chứ làm chi có được một tay nổi bật lên như chúa trùm để điều lý toàn bộ. Thứ đến là sự son đẹt của nó trong phạm vi hiệu nghiệm bởi thiếu hai yếu tố quan trọng là *tinh* và *chi*. Triết mà đã gây ra ngoài tinh cũng như chí thì chỉ còn là một mớ tri thức, một mớ lý luận suông không trông « làm nên giống má » chi cả. Vì thế tuy nó có đánh bại được nền văn hóa Việt để chiếm chỗ như trong chương trình trung học hiện nay thì đây cũng chỉ là những triết học hàn lâm trường ốc không thể nào gây nổi âm vang vào đời sống. Vậy thì có nên bỏ triết Tây chẳng? Thưa không, vì chúng ta thiếu triết mà thiếu là tại thiếu ý, mà Tây lại giàu về ý, nếu bỏ triết Tây thì mượn ở đâu, cho nên giải pháp tốt nằm trong chỗ phải thấu hóa nhiều ý của triết Tây, nhưng phải đặt chúng vào cơ cấu Việt Nho. Và lúc ấy chúng ta sẽ có một nền triết lý ám hợp cho tâm trạng chúng ta. Ngoài là Ý nhưng trong là *Tinh* mà tinh thâm thì vẫn sẽ minh (tức đạt *chi*) sẽ có thể bơm hăng say vào chợ nền cổ học. Và lúc ấy chúng ta sẽ mở ra được giai đoạn V là đem lại cho nước nhà một nền triết lý nhân sinh để làm xương sống trong nền quốc học. Xét như vậy thì sự tiếp xúc với văn hóa Tây Âu đem lại



cho ta nhiều may mắn để thành tựu trong bước *ý*. Triết Tây với những ý hệ đồ sộ nguy nga để giúp chúng ta nhận ra chỗ yếu của mình, đồng thời giúp phương tiện để chúng ta xây đắp chỗ thiếu sót đó. Thế là trong cái rủi lại có cái may: trong những đổ vỡ hoang tàn gây ra do sự tiếp xúc với văn hóa Tây Âu chúng ta gặp cái may nhận thức được giá trị chân thực của mỗi nền văn hóa, và đó là chỗ có thể làm ta giàu kinh nghiệm hơn tổ tiên.

### *Phía dân chúng*

Những điểm vừa bàn thuộc về phía trí thức.

Bây giờ chúng ta nhìn sang phía dân chúng để ước lượng những khả năng của sự đón nhận một nền chủ đạo mới. Ta hỏi rằng sau từng ngàn năm tâm nhận Hán Nho, sau 80 năm chạy theo Tây học thì liệu nay dân chúng có còn tâm kiện để đón nhận một nền triết lý Việt Nho nếu nó xuất hiện. Và chúng ta có thể vui mừng mà trả lời là có, dân chúng vẫn còn tâm kiện đó. Ai cũng có thể nhận thấy trong dân gian còn rất nhiều những yếu tố của Việt Nho, mặc dầu chỉ còn trong tình trạng tình cảm và tiềm thức, lý do là bởi vì đã không còn được trí thức vun tưới. Nhưng nếu có vun tưới thì sẽ sống lại mạnh mẽ trên khắp lãnh thổ, kể cả miền Nam nơi có thể bị ảnh hưởng Pháp quá nặng vì là thuộc địa khác hơn Trung kỳ Bắc kỳ chỉ mới là đất bảo hộ nên ảnh hưởng Pháp chưa thâm sâu bằng, như nhiều người quen nhận xét.

Riêng tôi cho rằng nhận xét như vậy chỉ đúng với giới trí thức với thị dân, còn với thôn dân thì không. Đời sống tinh và chỉ nơi thôn dân vẫn còn vận hành trong quỹ



đạo Việt Nho nhất là trong Nam. Hơn thế nữa miền Nam hội tụ được hai điều kiện rất thuận lợi cho sự nảy nở của Nho giáo nguyên thủy: Trước hết vì là đất mới chưa chịu ảnh hưởng Hán Nho tức những lễ giáo quá kèngh coi nghiêm ngặt như ngoài Bắc và nhất là trong Trung dưới sức nặng của ảnh hưởng triều đình. Người trong Nam chưa bị óc «sinh lễ» (hyperituel) ràng buộc. Nên chúng ta gặp ở đây một thứ Nho giáo thông dong bên ngoài mọi ước lệ. Rất nhiều người đã tự học Nho qua những sách như «*Minh tâm bảo giám*» phiên âm và dịch ra quốc ngữ nên chỉ cần có đạo lý không kể đến những lễ lối phức tạp, vì thế mà nơi những người Nam có một sự chân thành hết sức tự nhiên không kiêu sức lèo lá che đậy, một lòng hiếu khách bộc lộ với những mối tình chân thực trong trịnh, mạnh mẽ hùng tráng như được biểu lộ trong các tuồng loại Sơn Hậu... Thứ đến là đời sống vật chất phong phú: đất đai rộng, cây cối hoa màu tốt tươi, cá tôm đầy khắp đem lại cho đời sống một sự thoải mái dễ chịu nhân đó rất có nhiều những lúc thư nhàn thuận lợi cho sự nảy nở tình cảm, nó là nền móng cho văn hóa, cho sự lớn mạnh của tuồng cải lương, ca xướng. Nhờ đó mà người trong Nam đã thể hiện được những đức tính của Việt Nho một cách khá trung thực, nhờ không bị mắc vướng trong những điều kiện kinh tế quá hẹp hòi như ở hai miền Trung và Bắc. Về điểm này miền Nam có thể sánh với Mỹ châu khi người Âu châu tới lập nghiệp, cả hai nơi đều có những vùng đất tương đối mênh mông để mặc sức khai thác. Nếu ai làm một luận án, điều tra cẩn thận hai lối đối xử của dân di cư với dân thổ trước, một bên là lối sống hậu tình của dân mới đến lập nghiệp vẫn kính trọng quyền lợi các dân trước. Bên kia là trước đoạt



giết chóc tiêu diệt thì sẽ nhận ra sự khác biệt rất sâu xa về hai nền văn hóa và sẽ phần nào nhận ra khuôn mặt hiền hòa thâm diệu của Việt Nho (1). Tóm lại là ở miền Nam người Việt đã gặp hai điều kiện thuận lợi cho Nho giáo nguyên thủy nảy nở: một là đất rộng hai là những nghi lễ phiền toái của Hán Nho chưa kịp đến chi phối bẻ quặt.

*Tại sao người Nam ít thích văn học?*

Đối với những điều quyết đoán trên có thể đưa ra vấn nạn sau đây: nếu những lời trên là đúng thì lẽ ra người Nam phải thích văn hóa, thế mà tại sao phần đông lại không ưa văn hóa, chỉ chuyên nhậu nhẹt, với ba câu vọng cổ mùi, như thế sao nói được là có tinh thần Việt nho, vì một trong những đức tính của Việt nho ưa văn hóa, nên mới gọi là văn hiến chi bang.

Nhận xét trên đúng, nhưng chưa sâu. Nếu muốn đào sâu thì phải hỏi tại đâu lại có tình trạng đó, lúc ấy sẽ nhận ra lý cao ở tại sự đứt quãng văn hóa giữa thôn dân và thị dân. Tự đời Pháp thuộc thì thị dân được lái dần vào quỹ đạo văn hóa Tây Âu một nền văn hóa trưởng giả thiếu khả năng thông đạt đến dân gian (xem đầu «*Hiến chương giáo dục*») vì thế những sản phẩm văn hóa do thể hệ Tây học không sao gây âm vang vào lòng dân gian được như văn hóa cổ truyền sáng tạo do kẻ sĩ thú truyện Kiều hay Lục Vân Tiên... Trí thức nay không thể sáng tạo nổi

(1) Về điểm này có thể khởi đầu bằng tra cứu những sách như «*Khi những người lưu dân trở lại*» Nguyễn Văn Xuân và «*Người Việt có dân tộc tính không*» của Sơn Nam.



một tác phẩm nào được dân chúng hoan nghênh đến thế. Sự đứt quãng này ít được nhận ra, vì một đảng ảnh hưởng trước còn lưu lại rất nhiều trong những người trí thức đầu tiên. Đảng khác trong phương diện chính trị chống xâm lăng thì trí thức với dân gian đều thông cảm, lại có lợi khi chữ quốc ngữ nữa nên sự truyền thông càng mau lẹ. Tuy vậy đấy chỉ là bề mặt, còn bề sâu đi vào tâm hồn thì kém xưa nhiều, vì trí thức đánh mất dần mối tương quan với dân gian trong khi được đào tạo theo văn hóa trưởng giả Tây Âu nên càng lâu càng xa cách dân gian, không còn giữ được nền nhất trí như bên Viễn đông nơi toàn dân tham dự vào đời sống văn hóa nếu có chút phân biệt nào chẳng là kẻ sĩ thì tham dự bằng sáng tác, còn dân gian tham dự bằng thưởng ngoạn. Điều này giới trí thức không nhận ra vì nhiều lý do mà chúng ta cần phải nói phớt qua: trước hết là nhờ chữ quốc ngữ nên dân học mau lẹ, do đó giới trí thức thời phòng sự khó khăn của chữ Nho cho là trưởng giả xa dân, kỳ thực nếu xét về nội dung thì chính trí thức mới là trưởng giả xa dân, bởi vì ngoài việc chống Pháp thuộc chính trị, và mấy câu truyện giải trí thì trí thức đưa đến cho thôn dân nền đức lý nào, mà đó mới là cốt tủy của văn hóa còn hô hào đánh Tây, với mấy câu truyện thì chỉ là phần dụng hời hợt từng giai đoạn chứ có gì thâm sâu lâu đời được như Nho giáo với thôn dân Việt đâu. Trí thức đã đem ra được chủ đạo nào để hội thông với thôn dân? Chính vì thế mà lòng yêu văn hóa nơi thôn dân trở nên yếu nhược. Văn hóa là một thực thể sống động, mà sống là phải ăn, phải biến hóa. Thiếu điều đó thì nó sẽ ngàn dần. Trí thức nay có sản xuất những sách kiểu *Tự lực văn đoàn* hay có dịch các tác phẩm của Tây phương thì hầu hết cũng là những kiến thức vừa tản mát vừa rất xa với thực tế của nền văn hóa



nông nghiệp Việt nam, nên nếu không có hại thì ít gì cũng xa lạ, quá xa lạ đối với quảng đại quần chúng thôn dân, nên cùng lắm thì những sản phẩm chỉ giúp ích cho giới trí thức thành thị giải trí với nhau mà thôi, không sao thấm thấu vào lòng dân chúng. Vì thế mà trí thức thiếu mất chân đứng trong dân và dân hóa cả hai phía đều trở nên yếu nhược. Bên trí thức thị dân thì phân tán vì văn hóa Tây âu hầu hết chỉ có Ý nên là thứ văn hóa tan nát, đứng ra chỉ là văn học, văn nghệ.

Còn phía dân gian thôn dã vì không được tiếp sinh khí mới thì tất cả đời sống văn hóa phải giậm chân trên mấy sáng tác cuối mùa của kẻ sĩ: Lục vân Tiên với ba câu vọng cổ mùi. Cái gì hay đến mấy mà dọn đi dọn lại rồi cũng phải nhàm nên dần dần quay ra chán văn hóa, đi vào nhậu nhẹt. Ít lâu thành thói quen. Hại không ở tại nhậu nhẹt mà hại là đánh mất đức tính ưa chuộng văn hóa.

Đây là một sa đọa trầm trọng, bởi vì đời mới chúng ta có muôn phương tiện để mở mang văn hóa hơn xưa, thế mà lòng yêu văn hóa lại xuống thấp đến độ không đua hơi nổi với nhậu nhẹt... với những phim cao bồi vô luân đang vẫy vùng trong mảnh đất bị bỏ hoang này. Đây là một thảm trạng mà khi xét kỹ thì nhận ra lý do ở tại đứt liên lạc giữa trí thức trưởng giả thị dân một bên và thôn dân bên kia. Cho nên xét tới cùng thì chính là trách nhiệm của giới trí thức chứ nơi thôn dân vẫn còn tìm được bầu khí thuận lợi cho sự phục sinh của văn hóa dân tộc. Làm thế nào để trí thức từ bỏ đường lối văn hóa đầy du hí tính (như ta nhận thấy các tuần báo nguyệt san nay hầu hết là giải trí lãng nhãng, không còn những chiến đấu cho văn hóa chính trị) và bác tạp tan nát. Làm thế nào để



mọi người đi học đều thấm nhuần sự cần thiết một nền văn hóa thống nhất được toàn dân như xưa. Thiết nghĩ đường lối tốt nhất là làm sao cho mọi người nhận thức ra được cái cơ cấu tinh thần dân tộc, rồi nữa phải hướng mắt nhìn về thôn dân, nơi có những tâm hồn trinh trong chưa bị nguy tạo do những ý hệ ngoại lai, để trở thành những trạm chuyển vận tư tưởng trong dân gian. Khi nào chu toàn được việc ấy thì nước ta sẽ lại vận hành trong quỹ đạo của triết lý nhân sinh có nội dung chân thực thống nhất thôn dân với thị dân để bước vào giai đoạn 5 với nền quốc học mạnh mẽ làm lương tinh thần cho sự kiến thiết quốc gia.

KIM ĐỊNH

## lịch sử tư tưởng việt nam

của NGUYỄN ĐĂNG THỰC

### Tập I và Tập II

Do Viện Khảo Cổ phát hành. Các sinh viên cần nghiên cứu xin đến tại Viện Khảo Cổ hay Viện Bảo Tàng.

Giá 120\$





## SÁCH DO NHÀ AN TIÊM XUẤT BẢN

- \* **Tôn Giáo là gì**  
của John Yale  
(viết theo lời của Vivekananda)
- \* **Sa Mạc Trường Ca**  
thơ của Bùi Giáng
- \* **Ta Đợi Em Từ Ba Mươi Năm**  
thơ của Vũ Hoàng Chương
- \* **Nói chuyện với Krishnamurti**  
do Carlo Suarès thực hiện. Nguyễn Minh Tâm dịch

## TRIẾT HỌC VỀ TÁNH KHÔNG

của TUỆ SỸ

**Qua Tánh Không Luận Nàgàrjuna**, bảy giờ « Ngôn ngữ không còn là một hình ảnh héo hắt của Thực tại sai biệt và sai biệt. Nó không đi chơi vui trên thực tại, mà đóng vai trò truyền thống như tiếng gọi từ trên một đỉnh núi của Tuyệt đối vô tri, từ trên một đỉnh núi nghìn đời bất khả xâm phạm, luôn luôn thách đố bước tiến của con người. Nó đánh mất đi cái cụ thể nghèo nàn trong tầm mắt của phàm phu đến một chân trời rực rỡ của sáng tạo ».

*Triết Học Về Tánh Không trang 156*

Sách do An Tiêm xuất bản  
đã phát hành khắp nơi





# Ý NGHĨA của VĂN KHOA và KHOA HỌC NHÂN VĂN

THÍCH NGUYỄN TÁNH

Mỗi lần phải bị bắt buộc đọc diễn văn vào những ngày quan trọng của Viện Đại Học Vạn Hạnh, bị bắt buộc diễn thuyết về một vấn đề nào đó, tôi thường có cảm giác là mình bị lôi vào một guồng máy nào đó, bị lệ thuộc vào một tổ chức nào đó, bị ràng buộc vào một đời sống công cộng nào đó, một đời sống đứng trước quần chúng, đứng trước đám đông, đứng trước tập thể; tôi vẫn luôn luôn cảm thấy khó thở và khó chịu vì phải đánh mất tư thế độc lập và biệt lập của một cá thể, của một « con người sáng tạo » trong « sự lập dị vô thức hoặc ý thức » của đời mình. Từ lâu tôi vẫn tự coi mình như « một kẻ đứng ngoài hàng rào », một kẻ vô trách nhiệm trước lịch sử và vô trách nhiệm trước đời sống của con người, vì đối với tôi, chỉ có một trách nhiệm duy nhất là trách nhiệm trước cái chết của mình; trách nhiệm trước cái





chết có nghĩa cứu mang nỗi chết của mình và đưa nỗi chết của mình ngang hàng với tầm vóc của đời sống thường nhật. Vì không bỏ quên nỗi chết, cho nên dám sống, vì chỉ sống có một lần, mỗi một lần sống là mỗi một lần giao tiếp với Tuyệt đối, với sinh mệnh, nghĩa là đối nghịch hẳn với đám đông, vì đám đông luôn mong đợi những gì không thể mong đợi được ở một cá thể độc lập — Đám đông luôn luôn đánh giá và phê phán cá thể, biến cá thể thành dụng cụ hiệu năng, biến đổi sự quyết định độc lập thành ra sự lợi ích cho một mục tiêu nhất định nào đó trong hướng đi lịch sử. Nhưng lịch sử không đi dưới thẳng lên trên, lịch sử luôn luôn đi trong vòng tròn tròn ốc, và rốt cuộc rồi thì không có thực thể nào có thể gọi là cá thể và cũng không có thực thể nào gọi là tập thể. Cá thể và tập thể chỉ là những danh từ trí thức, chỉ có ích lợi trong lý luận suông của triết lý nhà trường, cũng như đám đông và «con người cô đơn» chỉ là những từ ngữ chỉ có giá trị trong văn chương hoa mỹ, không nói lên một cái gì cả hơn là nói lên sự mâu thuẫn nằm giữa lòng đời.

Tôi đã dài dòng khi đã nói những lời trên. Thực sự thì tôi muốn nói những gì? Vào buổi khai giảng hôm nay tôi muốn nói những gì? Tôi muốn nói đến sự mâu thuẫn tốt độ giữa diễn giả và thính giả, giữa người nói và người nghe, giữa vai trò công cộng của một Khoa trưởng và sứ mệnh gọi là «cô đơn» của con người tự nhận là «nghệ sĩ sáng tạo.» Tôi muốn nói đến sự mâu thuẫn giữa thực thể này với thực thể nọ, tôi muốn nói đến sự mâu thuẫn giữa lời nói và thực tại. Và quan trọng nhất là tôi muốn nói đến sự rạn vỡ, sự phân ly, sự chia lìa trong sự chuyển đạt truyền thống kinh nghiệm giữa con người và con người,



Đây là một vấn đề quan trọng vì đại học là nơi con người truyền giao chuyển đạt kinh nghiệm với nhau. Và khai giảng có nghĩa là khai mào sự truyền giao chuyển đạt ấy. Tất cả văn hóa nhân loại cũng được xây dựng trên căn bản truyền đạt kinh nghiệm từ thế hệ này đến thế hệ khác, từ một khu vực này đến một khu vực khác.

Hai người gặp nhau, hai thực thể gặp nhau, hai thực tại gặp nhau, họ nói chuyện với nhau, họ hiểu với nhau, nhưng họ chỉ hiểu những gì họ muốn hiểu, nghĩa là mỗi người chỉ có thể đón nhận những gì bên ngoài mà khả dĩ đi lọt vào trong ý thức của hắn! ý thức là sự đả lọc biểu trưng và biểu tượng. Một biểu tượng chỉ có nghĩa khi ý nghĩa ấy đã được truyền thống đồng ý — Và sự vô nghĩa xuất hiện giữa lòng đời khi hiện tại xuất hiện, vì hiện tại là sản phẩm của truyền thống nhưng đồng thời chỉ là hiện tại khi hiện tại nhẩy vọt ra ngoài truyền thống. Nói tóm lại, bản chất của hiện tại là nhẩy ra ngoài sự trói buộc của ý thức. Đó là khởi điểm của sự phân ly, sự đổ vỡ, sự mâu thuẫn của con người, vì con người là thực thể sống với thời gian, bằng thời gian và qua thời gian — Chính sự mâu thuẫn nền tảng này là căn nguyên nền tảng cho tất cả sự mâu thuẫn trên đời sống con người.

Tôi muốn nói gì? Có phải nơi đây là nơi tôi lý luận triết lý viển vông? Không, tôi chỉ muốn nói đến sự mâu thuẫn của sinh hoạt văn hóa ở thế kỷ XX. Cụ thể hơn, tôi muốn nói đến sự mâu thuẫn trong sứ mệnh của đại học, sự mâu thuẫn của giáo dục, của tất cả cơ sở giáo dục. Tôi muốn nói đến sự khủng hoảng của tất cả những trường đại học trên thế



giới ở thế kỷ XX. Tôi muốn nói rằng sự khủng hoảng ấy bắt rễ từ nơi sự khủng hoảng của tâm thức con người. Trục tiếp hơn nữa, tôi muốn nói đến sự mâu thuẫn nằm ngay trong giảng đường ngày hôm nay. Mâu thuẫn ngay trong chính đời sống lưỡng diện của diễn giả, mâu thuẫn giữa diễn giả và thính giả, mâu thuẫn giữa con người hành chánh và con người tư tưởng, mâu thuẫn giữa tổ chức và đời sống, mâu thuẫn giữa giáo sư với giáo sư, mâu thuẫn giữa giáo sư và sinh viên, mâu thuẫn giữa sinh viên với sinh viên, mâu thuẫn giữa kiến thức và thực tại, giữa học đường và đời sống.

Tôi muốn nói gì? Tôi chỉ muốn nói rằng mỗi người trong chúng ta phải ý thức sự mâu thuẫn ấy, rằng chỉ khi nào chúng ta hiểu được sự mâu thuẫn ấy thì hành động của chúng ta mới không còn đánh lừa chúng ta vào những ảo tưởng hư ngụy, những ý thức hệ tai hại, những tín điều nguy hiểm, những kiến thức tàn sát đời sống.

Tôi mới về Việt nam được vài ba ngày nay, sau một thời gian đi quan sát những đại học Hoa kỳ — Sau lần thứ hai trở lại Hoa kỳ, tôi đã thấy được những gì? Những gì tôi đã trình bày dài dòng từ nãy giờ có liên quan mật thiết đến điều tôi nhận thấy ở những trường đại học Hoa kỳ. Có thể nói nền đại học Hoa kỳ là một cơ sở giáo dục được tổ chức hoàn hảo nhất ở thế giới Tây phương hiện nay. Có thể nói rằng nền văn minh Hoa kỳ là nền văn minh tối tân nhất hiện nay của Tây phương. Mặc dù nhận xét như thế, nhưng tôi thành thật nói rằng, dù sự thực này phũ phàng và tàn nhẫn, tôi thành thật nói rằng nền đại học Hoa kỳ hiện nay đang rơi vào *mâu thuẫn cùng độ, đang rơi vào cơn khủng hoảng trầm trọng, tọng trung rõ rệt nhất cho cuộc khủng*



hoảng của nền văn minh hiện nay. Cuộc khủng hoảng, mâu thuẫn của nền giáo dục Hoa kỳ là đã biến con người thành « con người tổ chức » (tôi xin mượn chữ « organization man » của nhà xã hội học danh tiếng), giáo dục Hoa kỳ đã đưa Hoa kỳ đạt tới những tiến bộ kinh hồn về khoa học và cơ khí, nhưng lại đưa con người đến sự phân ly đứt lia với chân lý, tự do và nhân tính. Hình ảnh con người Mỹ quốc hiện nay là hình ảnh của một con người hấp tấp vội vã, chơi với chạy theo những đồ vật và máy móc, sợ hãi sự trống rỗng và lấp đầy nỗi trống rỗng hiu quạnh của đời sống mình bằng vô tuyến truyền hình, bằng máy phóng thanh, bằng nhật báo, bằng những đồ vật tân chế xuất hiện từng ngày trong những « Siêu thị », Super markets. Sự khủng hoảng của nền giáo dục Mỹ được đánh dấu bằng những vụ nổi loạn của sinh viên ở Columbia và Berkeley và nhiều đại học khác. Khi dự buổi hội thảo tại Bộ Ngoại giao Hoa kỳ tại Hoa thịnh đốn, tôi đã thẳng thắn trả lời khi những nhân viên cao cấp về giáo dục của chính quyền Mỹ hỏi ý kiến của tôi về ưu điểm của nền giáo dục Mỹ, tôi đã trả lời rằng ưu điểm của nền giáo dục Mỹ hiện nay là hiện tượng nổi loạn của sinh viên Mỹ, rằng người Mỹ phải « hãnh diện » về hiện tượng ấy, vì nó nói lên sự thực của nền giáo dục Mỹ, rằng giáo dục Mỹ phải chuyển mình để giải quyết sự mâu thuẫn giữa đại học và sinh viên, giữa văn minh cơ khí và trái tim con người, giữa sự tiến bộ vượt bậc của khoa học và sự tiến bộ vượt bậc của kinh tế và sự nghèo nàn nội tâm của con người. Có thể câu trả lời của tôi làm phật ý một số người Mỹ có trách nhiệm về chính sách Mỹ, nhưng tôi nghĩ rằng người Mỹ, tâm hồn người Mỹ, thực sự là Mỹ, thì vẫn là con người muốn tự do, độc lập và muốn tôn trọng sự thật, vì ít nhất dân tộc Mỹ là dân tộc duy nhất đã tạo ra những thiên tài độc đáo nhất



của nhân loại như Whitman, Thoreau, Emerson, những đóa hoa đẹp đẽ nhất của văn minh Tây phương. Sở dĩ tôi đã nêu lên sự khủng hoảng của nền giáo dục Mỹ, không phải chỉ để ám chỉ xã hội Mỹ mà thôi, mà tôi chỉ muốn nói lên sự khủng hoảng của nền văn minh Tây phương, sự khủng hoảng của giáo dục, của truyền thống Tây phương. Nền giáo dục Pháp, Anh, Đức, Nga cũng bị rơi vào khủng hoảng trên — Nền giáo dục của những xứ cộng sản hay không cộng sản cũng đều rơi vào sự khủng hoảng chung của thế kỷ XX này. Đó là hậu quả của sự khủng hoảng của tất cả ý thức hệ, tôi lặp lại: của *tất cả ý thức hệ*, không phân biệt Đông hay Tây, cộng hay không cộng, không phân biệt biên giới, chủng tộc, tôn giáo.

Trận chiến tranh Việt nam hiện nay chính là sự phát biểu đẫm máu nhất về sự khủng hoảng của tất cả ý thức hệ ở thế kỷ XX này. Sự khủng hoảng ấy bắt nguồn từ sự xa nguồn của ý thức Hy Lạp, sự xa nguồn ấy thành công trong việc đưa khoa học và cơ khí phát triển đến cực độ, nhưng thất bại trong việc đưa con người trở về căn rễ, trở về quê hương, tức là trái tim của con người nằm trong trái tim của vũ trụ. Tôi không đã kích Tây phương mà đề cao Đông phương, vì nằm ngay trái tim của vũ trụ, hay nằm ngay trái tim của con người thì Đông phương và Tây phương chỉ là một — Nhưng ngay giữa thế kỷ XX này hiện nay, Đông phương cũng đã mất gốc rễ, cùng lúc với sự mất gốc rễ của Tây phương — Đạo lý Đông phương không còn là dòng máu luân lưu trong giải đất Á Đông, đạo lý Đông phương chỉ còn là một môn dạy ở đại học, mang tên là triết lý Đông phương, mà ngay đến cái tên để gọi cũng đã bị Tây phương hóa, vì « triết lý » là chữ



người Nhật dùng để dịch chữ *philosophia* của Hy Lạp.

Bây giờ tôi xin nói rõ rằng sự mất gốc rễ hiện nay ở nhân loại đang được thể hiện một cách bi đát phũ phàng nhất tại Việt nam hiện nay. Nền giáo dục của Việt nam đã được mô phỏng theo nền giáo dục Tây phương và vì thế cũng đã chịu hậu quả phũ phàng của sự khủng hoảng của nền văn minh hiện hay. Vi phỏng theo nền giáo dục Tây phương cho nền đại học Việt nam cũng đã được chia thành những phân khoa, dịch từ chữ Pháp *Faculté*, và chữ *faculté* này đã xuất phát từ sự sắp loại trong phạm trù Hy Lạp. Bây giờ tôi xin nói qua lịch sử ý nghĩa của chữ *Văn khoa* trong ý nghĩa *phân khoa Văn học và Khoa học nhân văn*, chữ này dịch từ chữ Pháp, *Faculté des Lettres et Sciences humaines* và chính từ ngữ Pháp này đã xuất phát từ nền văn minh La mã, quan niệm giáo dục La mã qua cơ sở giáo dục gọi là «*eruditio et institutio in bonas artes*» chính cơ sở giáo dục La mã này đã quyết định hướng đi của nền văn minh Tây phương và cơ sở giáo dục La mã này đã xuất phát từ ý thức Hy Lạp hậu thời và chính căn bản ý thức Hy Lạp hậu thời về *giáo hóa, sinh hóa* nằm trong ý niệm *paidéia* này đã khai sinh và qui định tất cả chủ nghĩa nhân bản (hay phi nhân bản) ở thế kỷ XX. Và tất cả những chủ nghĩa đề cao nhân bản hay bỏ quên nhân bản, dù nhân bản hay phi nhân bản, cũng đều không ý thức được thực chất của nhân bản, vì bản tính của con người nằm bên ngoài tất cả những định nghĩa về con người.

Khi bàn qua ý nghĩa của chữ *Văn khoa* ở trên, tôi chỉ muốn xác nhận một điều là dù nền giáo dục Việt nam vẫn



ca tụng quốc hồn quốc học, dù văn khoa vẫn được coi là nơi nuôi dưỡng quốc học, tinh túy của Việt nam thì ngay chính danh từ « Văn khoa » cũng nói lên một sự mâu thuẫn ít người biết rằng danh từ ấy đã phát xuất từ sự sắp loại định danh của ý thức Hy Lạp hậu thời.

Ý thức được sự mâu thuẫn trên là bước đầu để phanh phui ra sự mâu thuẫn giữa những định nghĩa, những ý niệm về quốc học, quốc hồn, quốc gia. Quốc học xuất phát từ ý thức quốc gia, ý thức quốc gia (gọi là nationalisme) cũng là sản phẩm của ý thức Hy Lạp hậu thời (Ahellenisme tardif), ngay đến cái đối nghịch với chủ nghĩa quốc gia là chủ nghĩa quốc tế (internationalisme) cũng là sản phẩm đảo ngược của Hy Lạp hậu thời. Theo một nhà triết gia Đức nổi danh hiện nay đứng trên bình diện siêu hình, ý thức quốc gia chỉ là một nhân trung thuyết (Anthropologisme) nghĩa là một chủ quan thuyết (subjectivisme) (nguyên văn chữ Đức: Jeder Nationalismus ist metaphysisch ein Anthropologismus und als solcher Subjectivismus), rồi đến chủ nghĩa quốc tế hoặc chủ nghĩa cộng sản cũng bị trói buộc vào phạm vi siêu hình như chủ nghĩa quốc gia: tinh thần tập thể chỉ là chủ quan tính của con người trên bình diện phóng đại của toàn thể (hiểu theo nghĩa siêu thể học Tây phương).

Đại Học Vạn Hạnh, đặc biệt nhất Phân khoa Văn học và Khoa học nhân văn vì phân khoa này là ý thức chủ động làm nền tảng cho cơ sở nhận thức toàn diện phải là nơi ý thức, và gây ý thức cho sinh viên về sự mâu thuẫn cùng độ của những giá trị Tây phương hiện nay và tìm lại mạch máu cho suối nguồn Đông phương. Đường hướng của phân khoa Văn học và Khoa học nhân văn của Viện Đại Học Vạn Hạnh phải là :





*Thứ nhất:* Ý thức của Vạn Hạnh là đặt ra giá trị và giới hạn của ý thức quốc gia, đồng thời đặt lại giá trị và giới hạn của ý thức quốc tế.

*Thứ hai:* Ý thức của Văn khoa Vạn Hạnh là đặt lại giá trị và giới hạn của nền ý thức Tây phương hôm nay.

*Thứ ba:* Phục hồi lại căn nguyên của Việt nam, tìm lại gốc rễ, tìm lại quê hương chung cho con người trên mặt đất.

Đường hướng trên chỉ có thể thực hiện được khi nào những vị giáo sư và cả sinh viên cùng nhau ý thức tình cảnh vong quốc hiện nay và quyết tâm đánh thức dậy những khả tính trầm lặng nào đã quyết định hướng đi của dân tộc trong suốt dòng lịch sử, nhất là từ đời Lý và Trần cho đến cuộc Nam tiến tựu thành ở Sông Cửu long.

Đại Học Vạn Hạnh không phải chỉ tạo ra những chuyên viên, mà lại là nơi nuôi dưỡng sự gặp gỡ giữa những con người đi tìm một gốc rễ trong trái tim vũ trụ, nơi gặp gỡ giữa những ý thức sáng tạo, say sưa sáng tạo, vẫn tiếp tục sáng tạo dù đêm tối mờ mịt đang vây phủ quê hương.

Qua cơn đau khổ quần quại từ trên hai mươi mấy năm nay, tôi mơ mộng rằng có một cái gì phi thường sắp hiện ra ở nước Việt Nam này. Đi khắp nơi nẻo đường thế giới, đi đâu tôi cũng nghe người ta nói đến Việt Nam tên Việt Nam đã được viết bằng chữ máu trên vòm trời nhân loại. Tên Việt Nam đang trở thành biểu tượng bi tráng cho con người trên mặt đất này, biểu tượng ấy nói lên sự hồi sinh của con phượng hoàng thoát từ vùng máu lửa của Tuyệt



vọng. Tôi mơ mộng rằng Văn khoa Vạn Hạnh sẽ là nơi đánh dấu khiêm tốn sự hồi sinh của văn hóa Việt Nam. Giấc mộng ấy rất đẹp. Và bắt chước như Martin Luther King, tôi nói rằng: «Thưa quý vị Giáo sư và các anh chị em sinh viên, và chính nhờ vào sự góp sức đầy nhiệt thành và thiết thực của các ngài mà giấc mộng ấy sẽ được thành sự thật.»

### THÍCH NGUYỄN TÁNH

\* Bài này dựa theo những ý chính trong bài diễn văn của chúng tôi với tư cách là Khoa trưởng Phân khoa Văn học và Khoa học nhân văn, Viện Đại Học Vạn Hạnh, trong dịp khai giảng ngày 18 tháng 11-1968.



# TRIẾT LÝ GIỜ NGỌ của NIETZSCHE TRONG VIỄN ẢNH MỘT VŨ TRỤ TUẦN HOÀN

LÊ TÔN NGHIÊM

(tiếp theo)

Bất cứ ai dù chỉ mới đọc Nietzsche sơ qua cũng đều có thể ghi nhận được ba chủ đề thường được coi là then chốt trong quá trình tư tưởng của ông. Đó là chủ đề về *Thượng đế đã chết* — *Con người siêu nhân* và *ý chí hùng dũng*.

Những hình ảnh, những ẩn dụ, những lối hành văn cụ thể và say sưa Nietzsche dùng để mô tả những chủ đề ấy càng tăng thêm mức độ dễ hiểu lên rất nhiều. Theo đó, con người *siêu nhân* là con người phải vượt được lối sống tầm thường. Lối sống tầm thường là lối sống của những người còn tin tưởng vào *Thượng đế*, nhưng phải hiểu Thượng đế theo một nghĩa rộng rãi như E. Fink nhận định: «Nhưng đối với Nietzsche, Thượng đế có nghĩa là tất cả những gì được gọi là lý tưởng siêu việt.» (Mais Dieu signifie pour Nietzsche la totalité de toute idéalité transcendante) (La philosophie de Nietzsche trg 85).



Nhưng muốn vượt mức độ tầm thường ấy, con người phải có *ý chí hùng dũng*. Đó là một ý chí can trường, siêu quần dám mạo hiểm ra biển khơi mệnh mông một mình như những thủy thủ không sợ sóng gió, không cần hoa tiêu, nghĩa là dám sống dù khi đã ý thức rằng: những gì linh thiêng nhất như những thần tượng của nhân loại xưa nay đã sụp đổ và trở nên vô nghĩa đối với họ.

Không gì mô tả những chủ đề trên và sự liên hệ giữa chúng với nhau bằng ẩn dụ về ba biển hình trong quyển «Zarathoustra đã tuyên ngôn như thế.»

Theo đó, tiên tri Zarathoustra muốn dạy cho nhân loại phải tự biến hình từ tình trạng *Nó lệ* nền tảng sang tình trạng *tự do* hoàn toàn, một khi những thần tượng đã sụp đổ.

Zarathoustra tuyên bố: «Ta sẽ báo hiệu cho các ngươi ba cuộc biến hình của tinh thần: trước hết tinh thần biến thành *lạc đà* như thể nào, rồi lạc đà biến thành *sur tử* làm sao và sau cùng *sur tử* biến thành *con nit* thể nào?»

*Lạc đà* là giai đoạn con người còn tôn thờ thần tượng, còn quý lạy những lý tưởng của lý giới mà Nietzsche gọi là khuynh hướng Duy niệm do ảnh hưởng của Platon. Khuynh hướng siêu hình ấy đã «ảo tưởng» ra những điều thường được gọi là Chân, là Thiện, là Mỹ và trên hết là «*To agathon*»: lý tưởng trên các lý tưởng.

Theo quan điểm siêu hình ấy, trần gian hay vật giới này gồm toàn những ảo ảnh, những g phũ vân, tạm bợ. Platon đã đúc kết tất cả khuynh hướng ấy trong một ý tưởng thời danh: thời gian (của vật giới) chỉ là hình ảnh mau qua



của thường hằng (trên lý giới) (*Le temps n'est qu'une image mobile de l'éternité*).

Từ quan điểm siêu hình ấy, con người khinh thị cuộc đời hiện tại và chính cuộc sống trong thời gian của họ để chú tâm vươn tới những gì gọi là « thực tại » ở bên ngoài và bên trên họ. Từ sự chú tâm ấy, phát xuất một khuynh hướng luân lý đạo đức mới. Đó là thái độ thụ động, chấp nhận và phục tùng, Nietzsche gọi là nền luân lý « Anh phải làm » (la moral du « Tu dois ») mà tinh thần quyền « Kiểm thảo lý tính thực tiễn » của Kant là tinh hoa. Đó là kiếp của giống lạc đà. Họ chỉ biết một cách tiên thiên rằng: *phải có một mệnh lệnh tối thượng* mà họ phải phục tùng một cách cũng tiên thiên như một *nhiệm vụ phải làm* hay như một *ý nghĩa* từ ngoài tại hay từ bên trên mang xuống. Vâng lời và phục tùng là những đức tính được họ coi là cao cả nhất! (*abedire tanquam cadaver*). Bị gắn chặt vào một truyền thống gồm những giá trị cố định, họ chỉ còn biết ngoan ngùy tuân lệnh.

Nhưng họ không biết rằng: chính sự phục tùng ấy đã biến họ thành những tên nô lệ, nghèo nàn, « mặt kiếp ». (le dernier homme). Trong bài *phi lộ* quyền Zarathoustra, một cách sâu sắc, Nietzsche đã trình bày hình ảnh con người « mặt kiếp » ấy: họ là con người kiệt quệ, không còn đủ sức chiến thắng được chính mình. Quá khứ của họ đã làm tiêu tan mọi hăng say, nhuệ khí và tinh thần mạo hiểm nơi dòng máu và con tim của họ. Theo Kierkegaard, họ là những con người đã mất mát nhiều nhất, vì đã đánh mất sự đam mê nơi lòng họ. (Celui qui se perd dans sa passion a moins perdu que celui qui a perdu sa passion).



Nietzsche tiên đoán giờ phút con người «mặt kiếp» xuất hiện trên mặt trái đất này là giờ phút thê lương, bi đát nhất trong lịch sử nhân loại,

«Than ôi! đến một giờ phút nào đó, con người sẽ không còn can đảm phóng xa khỏi mình những kỳ vọng của mình như phóng những mũi tên nữa và con tim họ sẽ không còn biết rung động như sợi dây trong cây cung căng thẳng nữa.» (Zarathoustra trg 54 — 55)

Nhưng chính giờ phút thê lương ấy lại là tiếng chuông cảnh tỉnh con người ý thức tình trạng vong thân căn bản nhất của mình và sự cần thiết cấp bách phải đập đổ mọi thần tượng (Crépuscule des idoles), để bóng dáng kiêu hùng của người siêu nhân xuất hiện.

Lý thuyết ấy là lý thuyết căn bản của tiên tri Zarathoustra muốn biến kiếp lạc đà thành sức sống hung hăng của *sư tử*. Một khi ý thức được những gánh nặng phi lý chất nặng trên lưng mình và tình trạng nô lệ đốn mặt của mình, lạc đà xông thẳng vào rừng xanh mênh mông để lột xác thành sư tử. Đó là lúc lạc đà lật đổ những lý tưởng siêu hình ảo tưởng và những lề luật, những mệnh lệnh, những thành kiến đạo đức cũ của mình. Đồng thời cũng giờ phút ấy, lạc đà tự ý thức được chính mình là một hiện hữu có tự do. Đối lập nền luân lý «Anh phải làm» ở kiếp lạc đà, sư tử tuyên dương một nền đạo đức căn cứ trên chính ý thức và tự do triệt để của mình. Nietzsche gọi đó là nền «đạo đức» theo như «Tôi muốn» (la morale du «Je veux»).

Hơn bao giờ hết, sự suy tàn của các thần tượng đã hiện ra hiển nhiên dưới mắt sư tử bừng tỉnh. Dưới mọi hình thức cố hữu nhất như siêu hình, luân lý, tôn giáo, Duy niệm đã



trở thành một sai lầm trầm trọng và khờ khạc nhất của con người. Đối với Nietzsche, sự điên rồ của nhiều thế kỷ chính là sự giảng nghĩa con người và vũ trụ theo viễn ảnh Duy niệm. Vậy giờ phút tự giác cho con người đã điểm: phải lật tẩy sự điên rồ của con người thành ý thức rằng tin tưởng ở thần thánh là một «Ngộ nhận» trầm trọng nhất. Chỉ khi đó, cuộc sống của sư tử mới được thênh thang, bao la như rừng xanh không giới tuyến, không bờ bến, không gì ràng buộc tự bên ngoài.

«Tự giải thoát chính mình, tuyên bố một tiếng «không» quyết liệt với chính cả Nhiệm vụ: hỡi chư đệ! Đó mới là công việc sư tử phải làm...» (Zarathoustra trg 46)

Từ đó mới mở ra trước mắt sư tử muôn vàn khả tính căn bản nhất, chưa hề bao giờ một ai đã nghĩ tới.

«Còn muôn ngàn nẻo đường chưa bao giờ có vết chân con người, còn muôn ngàn lối sống lành mạnh và muôn ngàn miền đất của sự sống vẫn còn tiềm ẩn.» (Zarath. trg 85 tiếp)

Môi trường hoạt động của tự do là môi trường vô hạn, nếu thần thánh không giới hạn con người hay những thành trì kiên cố không cản bước chân con người.

Trước khi từ biệt các môn đệ, Zarathoustra di chúc: «Tất cả các thần tượng đã chết: bây giờ ta muốn rằng: con người *siêu nhân* sống! Ước gì một ngày kia, vào đúng Giờ Ngộ, điều ấy phải là ước vọng cao cả nhất của ta!» (Zarath. trg 87)

Nói tóm, với hai biến hình của lạc đà và sư tử, ai ai



cũng dễ nhận thấy sự liên hệ giữa ba chủ đề nói trên, nghĩa là một khi ý thức được sự tin tưởng theo khuynh hướng Duy niệm của mình đã dẫn mình đến một tình trạng vong thân ô nhục nhất, con người tự giải thoát chính mình bằng một ý chí can trường như vô úy, để thành siêu nhân.

Tự do không bờ bến là biểu hiệu tuyệt đối của một con người được giải thoát.

Nhưng với biến hình thứ ba thành «*con nít*», hình như Nietzsche còn muốn nói một điều gì bí ẩn, khó hiểu hơn, nhất là hình như nó lại mâu thuẫn với khuynh hướng tự do không bờ bến vừa nói trên. Vì ít ra con nít là hình ảnh của một sự bất lực, của một sự phục tùng và một sự giới hạn nào đó.

Nhưng có lẽ ý nghĩa ẩn dụ sâu xa của nó sẽ là dấu nối quyết định với ý tưởng Phục diễn bất tận và với toàn bộ những chủ đề trên.

Vậy Nietzsche hiểu ẩn dụ *con nít biến hình* này như thế nào? Theo E. Fink, tuy rằng: tự giải thoát như sự tử thành hiện thân của tự do nhưng tự do ấy mới là tự do tiêu cực, nghĩa là tự do đối với những gì cũ kỹ của dĩ vãng. Loại bỏ một cái gì, lột cái xác cũ đi mới là một công việc tiêu cực. Trong công việc ấy, vẫn còn phảng phất một cái gì quẩn quại, đau thương và tự vệ, còn rất nhiều gay cấn và cố chấp. Trong đó, ý muốn tự do vẫn còn bị muốn, do áp lực của một sự cố gắng.

Nói tóm, cố gắng hủy bỏ, tiêu diệt một cái gì, nhất là khi cái ấy đã là một «*gánh nặng*» cũ, thì chưa phải là sáng tạo được một cái gì mới,



Nên tự do của sư tử mới là một tự do tiêu cực, chưa phải tự do tích cực, *sáng tạo trong thanh bình của sự ngây thơ, vô tội*. Chỉ có con nít mới là tượng trưng cho tinh thần ngây thơ, vô tội ấy!

« Con nít là vô tội và quên lãng, là một khởi thủy mới và một trò đùa, một bánh xe quay tròn, một chuyến mình mới, một tiếng «ừ» quyết liệt, Phải? hỏi chứ đê, muốn có một trò chơi như sáng tạo thì cần một tiếng «ừ» quyết liệt. Ở đây chính tinh thần ước muốn của mình, và chính thế giới riêng tư của mình là điều được kẻ đã mất với thế giới muốn chiếm đoạt. » (L'enfant est innocence et oubli, un nouveau commencement et un jeu, une roue qui roule sur elle-même, un premier mouvement, un «oui» sacré. Oui, pour le jeu de la création, mes frères il est besoin d'un «oui» sacré. C'est sa volonté que l'esprit veut à présent, c'est son propre monde que veut gagner celui qui est perdu au monde) (Zarath. trg 46)

Rõ rệt câu sau cùng muốn nói lên sự khác biệt với tự do tiêu cực của sư tử nghĩa là trước kia tuy tự do nhưng sư tử mới muốn một cái gì khác, tức là muốn loại bỏ những gì cũ, trái lại con nít chỉ biết muốn là muốn những gì mới vì con nít chưa có cái cũ, hay ít ra chưa bị nhiễm độc Duy niệm, thành ra không phải cố gắng một cách tiêu cực mà chỉ khởi đầu là sáng tạo, chỉ chuyến mình cũng đã là sáng tạo: mỗi bước chân đi, mỗi nụ cười của người lớn đã thành quá quen thuộc và trở nên cũ rích, nhưng mỗi nụ cười, mỗi tiếng khóc, một bước tập tễnh đi của con nít đều ghi trên mặt trái đất này một cái gì khai nguyên, mới mẻ như vớso ng.

Sáng tạo ở đây không bao giờ mang dấu vết của một sự



cốp nhật, một sự rập mầu, một sự câu nệ hay gò bó. Ví thế, với Nietzsche, trò chơi của con nít là sáng tạo, là hình ảnh biểu tượng một *căn nguyên trung thực* nhất của tự do. Hơn nữa, trong viên ảnh đen tối của Duy niệm Tây phương, là viên ảnh luôn luôn yêu sách một « căn cứ vững chãi » (Grund) cho mọi hành động của con người và mọi biến cố xảy ra trong vũ trụ, trò chơi của con nít còn biểu lộ sự tự do căn nguyên hơn, vì tự do ở đây gắn liền với *nguy cơ* cho cuộc sống của con người: hành động như chơi đùa là hành động không chủ đích nhất định « không nơi nương tựa, không cần sự hướng dẫn, chỉ theo sự minh mẫn của chính mình.

Tuy nhiên, con người siêu nhân phải hành động như trò đùa của con nít.

Đó là bài học khó hiểu nhất của tiên tri Zarathoustra và có lẽ cũng là bài học « vô vi » như « anh nhi chi vị hài » và « huyền đồng » của Lão tử.

Với những dữ kiện trên, nếu đứng ở quan điểm *nhân sinh* thì biến hình thành con nít chính là yêu sách con người siêu nhân phải có một sức mạnh phi thường, mới mẻ chưa từng ai có trong số những người phạm trần. Nhưng ở đây không được hiểu sự biến hình theo lối sinh vật học ví dụ từ tình trạng sinh vật của « *hầu nhân* » rồi con người trở thành « *trí nhân* » như một dòng giống mới theo ước muốn của Đức quốc xã.

Vậy, yêu sách một sức mạnh phi thường phải hiểu là sức mạnh sáng tạo mới mẻ và thần nhiên như *trò chơi* của con nít.

Theo đó, ta có thể gắn liền ý tưởng *Phục diễn bất tận*



với sức mạnh sáng tạo phi thường ấy theo quan điểm nhân sinh nghĩa là con người siêu nhân khi biến thành con nít rồi có thể chấp nhận một cách anh hùng ý tưởng *Phục diễn bất tận*, vì phục diễn bất tận là gì?

Một cách tổng quát có thể nói *Phục diễn bất tận* là một sự lặp đi lặp lại y nguyên nhiều lần mãi mãi của một việc gì đã xảy ra. Điều ấy đã được diễn tả sơ qua trên đầu bài khi ghi lại sự kiện tâm lý mất trí nhớ toàn diện và một hai dữ kiện lịch sử triết lý cổ xưa.

Hơn nữa, có lẽ chính ngôn ngữ của Nietzsche ở một chỗ quyết liệt nhất về ý tưởng Phục diễn cũng cho ta cảm tưởng trên khi ông đối thoại với thẳng lùn. Đó là bài giảng thuyết ở phần III quyển Zarathoustra nhan đề: «Khải thị và Huyền bí»

«Hỡi thẳng quý nặng như chì kia, tôi nóng giận nói với nó, đừng có đơn giản hóa mọi sự đến như thế! Nếu không tao sẽ để mày ngồi lý ở đây, hỡi thẳng chân thịt — mày không biết rằng chính tao đã công mày lại tới đây sao?

Thế rồi tôi nói tiếp: Hãy nhìn khoảnh khắc đây? Từ trụ quan của khoảnh khắc hiện tại một con đường dài dặc và triền miên quay trở lại đằng sau chúng ta, có một thời gian thường hằng.

Tất cả những gì biết chạy há chẳng đi qua con đường này hay sao? Tất cả những gì có thể xảy ra há đã chẳng xảy đến, đã hoàn tất, đã qua đi rồi là gì?

Vậy nếu tất cả những gì hiện có đã có một lần rồi thì người nghĩ sao về khoảnh khắc này, hỡi thẳng lùn kia?



Cả trụ quan kia nữa, nó cũng đã phải có một lần rồi chứ?

Và muôn vật, muôn sự há đã chẳng « gắn liền với nhau đó sao, đến nỗi khoảnh khắc hiện tại còn lời cuốn tất cả được những gì thuộc tương lai nữa? và như thế khoảnh khắc cũng tự thiết định chính mình nữa?

Vi tất cả những gì biết chạy há đã không đi trên con đường dài đang đi lên này một lần thứ hai đó sao?

Và cả con nhện chậm chạp đang bò càng dưới ánh sáng đêm trăng kia nữa, rồi cả ánh sáng đêm trăng kia nữa, rồi cả mây và tao, đang thì thầm những gì thuộc thường hằng, tất cả chúng ta há đã chẳng có ở đây một lần rồi sao?

Chúng ta phải trở về và chạy lại một lần trên con đường khác kia — con đường dài buồn tẻ kia — và triền miên bất tận chúng ta phải trở về sao?» (Zarathoustra trg 152).

Đó là trọng tâm điểm của quyển Zarathoustra và ý tưởng Phục diên bất tận lại chính là trọng tâm điểm ấy.

Một cách hơi hợ, có lẽ người ta đã rất có lý khi giải thích nó theo quan điểm *vật lý* hay theo quan điểm *nhân sinh* và *vũ trụ luận thông thường*.

Trước hết, hình như Charles Andler đã muốn giải thích ý tưởng Phục diên bất tận theo quan điểm khoa học thực nghiệm vật lý như sau:

« Những điều gây cảm xúc sâu xa cho Nietzsche, chính là một nhà khoa học với tầm vóc như F.G. Vogt đã nhắc



lại cùng một giả thuyết (về Phục diễn bất tận) bằng những chứng lý của khoa học vật lý thuần lý? (sd. trg 421)

Trong quyển sách thời danh nhan đề: « Die Kraft, eine real-monistische Weltanschauung » (1879) (Năng lượng, một vũ trụ quan thực tại — nhất nguyên), nhà bác học Vogt chủ trương: vũ trụ này được cấu thành không phải bằng vật chất như khuynh hướng duy vật chủ trương mà là bằng *năng lượng* (die Kraft). Đối với ông, *vật chất* cũng là một cái gì không có y như *sự vật tự nội* của các nhà siêu hình học. Chỉ có những định luật cơ khí của năng lượng mới có sức mạnh giải thoát con người khỏi tin tưởng vào một Thượng đế. Chúng sẽ chứng minh rằng: một khi những trung tâm năng lượng cũ bị thiêu hủy thì lại có những trung tâm năng lượng mới được cấu thành và bừng sáng lên.

Đó là sức mạnh bảo vệ cho vũ trụ này thường hằng, bất tử, một thứ bất tử vĩ đại hơn thứ bất tử xưa nay thường được tưởng tượng cho riêng có loài người.

Như thế Vogt đã đương nhiên công nhận: căn nguồn phát sinh ra muôn ngàn vũ trụ là một căn nguồn vô hạn cả về không gian, cả về thời gian. Căn nguồn ấy cấu thành những trung tâm năng lượng khi tan loãng, khi tập hợp theo một nhịp điệu chu kỳ liên miên vô hạn. Một khi khối năng lượng tăng gia ở một số trung tâm hoàn vũ nào thì đồng thời lại có sự giảm thiểu đồng đều ở những trung tâm khác.

Với nhịp điệu ấy, sức bành trướng của vũ trụ biểu lộ một số năng lượng thường hằng nhất định trong hoàn vũ.

Như thế, *sự phục diễn* của cùng những biến cố trong



hoàn vũ là một thiết yếu cho quan niệm cơ khí năng lượng mới này.

Nietzsche đã rất say sưa với ý tưởng năng lượng này của Vogt. Trong một hai ghi chú di cảo, Nietzsche viết:

« Những ai không tin vào *quá trình vòng tròn của vũ trụ* thì bó buộc phải tin vào một Thượng đế cao siêu tuyệt đối, đó là lập trường đối nghịch giữa lối nhìn của riêng tôi và những quan niệm của nhà « Duy thần » của ngày xưa ». (Quiconque refuse de croire à *un processus circulaire de l'univers est tenu de croire en un Dieu souverain absolu — Tel est l'antagonisme entre ma manière de voir et les conceptions des déistes du passé*).

Hay: « Nếu hoàn vũ này phải đi tới *một chuẩn đích* thì thế nào nó cũng phải đi tới đó; nếu hoàn vũ này phải đi tới *một trạng thái tận cùng* (không được tiên dự), thì nó cũng phải đi tới đó. Một trạng thái quân bình bấp bênh không thể có trong thiên nhiên cũng như không thể có hai hình tam giác đều nhau. Vậy không thể có sự ngưng trệ của năng lượng được. Nếu có thể có một tình trạng bất dịch thì cũng đã xảy ra như thế rồi. »

(Si l'univers avait un *but*, il serait atteint; s'il pourrait y avoir pour lui un *état terminal* (non prémédité), il serait également atteint... Un état d'équilibre instable n'existe pas plus dans la nature, que deux triangles égaux. *Donc il n'y a pas d'arrêt de l'énergie*. Si la stabilité était possible, elle se serait produite)

(Andler: sd. trg 422 – 423)

Hơn nữa, theo Kaufmann, hình như chính Nietzsche đã





nghĩ rằng: lý thuyết Phục diễn bất tận của ông là « một giả thuyết có tính cách khoa học hơn tất cả các giả thuyết có thể có » (*The most scientific of all possible hypotheses*) (WM. 55)

Vì — theo lập luận của Kaufmann — nếu khoa học chấp nhận rằng: có một khối năng lượng có giới hạn trong một không gian có giới hạn và một thời gian không giới hạn, thì có lẽ chỉ có một số những cấu thành của những năng lượng lượng tử có giới hạn có thể có được. Trong trường hợp đó, hoặc là sẽ đi tới một trạng thái tận cùng hoặc là cùng một cấu thành phải có thể được lập lại và lập lại liên miên bất tận.

Còn nếu một tình trạng tận cùng có thể có được — mà không có khởi điểm trong thời gian — thì tình trạng tận cùng phải có thể có được ngay lúc này: nhưng theo thực nghiệm thì không thể có, vì vậy vẫn còn phải vận hành.

Một cách tổng quát, lập luận trên của Kaufmann để giải thích Nietzsche không khác lập luận của Andler bao nhiêu.

Vì vậy, có lẽ Nietzsche mới dám khẳng định rằng: lý thuyết Phục diễn bất tận là một « giả thuyết khoa học hơn tất cả các giả thuyết khoa học có thể có.

Do đó, về sau nhiều nhà khoa học như G. Morgan và G. Simmel đã phê bình Nietzsche bằng những chứng lý thực nghiệm đối lập với những lập luận của Nietzsche.

Nhưng theo Kaufmann, « trong các sách của ông, không bao giờ Nietzsche đã trình dẫn một chứng lý nào cho lý thuyết của ông cả: chỉ trong những ghi chú của ông,



ta mới gặp được những cố gắng (muốn chứng minh) như thế; và vì ông cảm thấy những cố gắng ấy không thực hiện nổi, đó có lẽ là những lý do không cho phép ông trình dẫn những chứng lý. Nhưng những khi sách vở ông có nhắc tới lý thuyết và nhấn mạnh trên kinh nghiệm phải tư tưởng điều ấy thì cần phải hiểu rằng: ý tưởng về lý thuyết Phục diễn bất tận của Nietzsche phải hàm chứa trong khoa học hiện đại.» (W. Kaufmann: Nietzsche, Philosopher, Psychologist, Antichrist, trg 326-327)

Vậy có lẽ phải hiểu nghĩa «khoa học» của Nietzsche theo nhan đề của một quyển sách của ông là «die fröhliche Wissenschaft» (Gai savoir) theo lối giải thích của Fink: «Khoa học của con người tự do là một *khoa học vui tươi* (gaya scienza). Nó không chịu đựng sự nghiêm nghị nặng nề và long trọng; nơi nó không thấy bóng dáng của những khái niệm chính xác và sự so sánh với tính chất tiềm ẩn của vật thể. Trái lại, khoa học ở đây được vui tươi do luồng gió làm con người được tự giải thoát khỏi một tình trạng nô lệ cố hữu mà họ đã tự đặt nặng trên chính mình khi tôn thờ những lý tưởng ngoại tại.» (sd. trg 67)

Theo quan niệm khoa học ấy, Nietzsche tin tưởng rằng: lý thuyết Phục diễn của ông là chỗ gặp gỡ giữa khoa học và triết lý; không những thế, lý thuyết này còn sáng tạo nên cả một tổng hợp giữa hai khuynh hướng triết lý đối lập thành một bên là vũ trụ quan tĩnh của Parménide và một bên là vũ trụ quan động của Héraclite, vì «một khi *tất cả mọi sự đều trở lại* thì chính là lúc vũ trụ biến dịch tiến lại gần nhất với vũ trụ của thực tại.»

Hay lý thuyết ấy sẽ «*đóng con dấu của hữu thể trên biển*



*dịch*» (Marquer le *devenir* du *sceau de l'être*) (WM. 617)

Hay « trong *khoảnh khắc* sẽ bắt gặp được *thường hằng*. »

Đó là ý tưởng sâu xa Nietzsche đã học được của Phật giáo qua trung gian Oldenberg như đã nói trên kia. Tuy nhiên hình như xưa nay, người ta chỉ chú ý tới khía cạnh *nhân sinh* và *vũ trụ luận* thông thường của lý thuyết này mà thôi, nên bài học *Siêu hình tinh thể* của Phật giáo chưa bao giờ được khai triển ra.

(còn tiếp)

LÊ TÔN NGHIÊM

đã phát hành

**gió bắc trẻ nhỏ đóa hồng và dế**

thơ hoài khanh





Đầu tháng 10-1970 :

Ban Tu Thư Viện Đại Học Vạn Hạnh phát hành :

**TỰ ĐIỂN PHÁP VIỆT  
PHÁP-CHÍNH-KINH-TÀI-XÃ HỘI**

của Giáo sư VŨ VĂN MẪU

(In lần thứ hai có sửa đổi)

Sách này gần 1.000 trang giá 1.500\$

đặt bán tại quán sách Đại học Vạn Hạnh

Đầu niên khóa, sinh viên tìm đọc :

**ĐÂU LÀ CĂN NGUYÊN TƯ TƯỞNG  
HAY CON ĐƯỜNG TRIẾT LÝ TỪ KANT ĐẾN HEIDEGGER**

của Giáo sư LÊ TÔN NGHIÊM

TRÌNH BÀY XUẤT BẢN





# « DÂN TỘC TÍNH » và « QUỐC HỌC » ĐỐI MẶT VỚI Ý THỨC TÂY PHƯƠNG

---

---

PHẠM CÔNG THIỆN

Bài này nói về « Dân tộc tính » và « Quốc học », nhưng tác giả chỉ nói về Hy Lạp. Tại sao phải nói về Hy Lạp? Người đọc có thể nhận ra những gì kín đáo trong một cách đặt vấn đề có vẻ nghịch hướng và mâu thuẫn. Trong sự nghịch hướng và mâu thuẫn ấy còn chứa đựng những khả tính nào chưa được thể hiện?

## ● *Thái độ của chúng ta đối với Hy Lạp*

Thái độ của chúng ta đối với Hy Lạp phải như thế nào? Hy Lạp là gì? Tại sao chúng ta phải có thái độ? Hy Lạp phải chăng là một đối tượng? Nói khác đi, phải chăng Hy Lạp là một đối thể? Và chúng ta là chủ thể? Chúng ta là chủ thể và đứng đối mặt với một thực thể, gọi là thực thể Hy Lạp? phải chăng thực



thể Hy Lạp ấy đã được chúng ta mời làm Khách thể trong cương thổ của thế giới khách quan? Khách quan là gì? Thế giới là gì? Thế giới khách quan là gì? Chúng ta, mỗi người trong chúng ta, là mỗi thực thể? Thực là gì? Thể là gì? Hy Lạp là một thực thể; mỗi người trong chúng ta cũng là một thực thể; mỗi một thực thể có một tư thế; tư thế chính là thái độ: thái độ của chúng ta đối với Hy Lạp phải như thế nào? Hy Lạp có phải là một sự thể đứng trước nhãn quan ta để ta có một thái độ nào đó? Chúng ta đang học về lịch sử triết lý Hy Lạp. Chúng ta đang ngồi học trong một phân khoa gọi là văn khoa; văn khoa thuộc vào một viện, gọi là viện đại học; viện đại học thuộc về một bộ phận, gọi là bộ Giáo dục. «Giáo Dục», chữ Hy Lạp gọi là «paideia»; nhưng thực sự, «paideia» không chỉ có nghĩa là «giáo dục»; rồi đây, chúng ta có dịp đi sâu vào nội dung của chữ này.

Bây giờ thực tế hơn, chúng ta hãy đặt câu hỏi về sự hiện diện của chúng ta vào ngày hôm nay tại đây. Tại đây và bây giờ, chúng ta là ai? Tại đây và bây giờ, chúng ta đang làm gì? Những câu hỏi vừa đặt ra có vẻ ngớ ngẩn buồn cười. Nhưng chính những câu hỏi dồn dập từ nãy giờ đã đặt chúng ta vào ngay trung tâm điểm của hiện thể Hy Lạp.

Tại đây và bây giờ, chúng ta đang ngồi trong hiện thể Hy Lạp: nơi đây, trong gian phòng học này, giờ phút này, chúng ta đang ngồi trong lòng Hy Lạp. Câu này không có nghĩa bóng, không phải tôi đang làm văn chương và dùng mỹ từ pháp. Không. Khi nói rằng «chúng ta đang ngồi



trong lòng Hy Lạp», tôi chỉ muốn nói lên một sự thực hiện thể Hy Lạp đang chi phối đời sống chúng ta.

Việt nam là một nước bé nhỏ ở Á đông! Hy Lạp là một nước bé nhỏ ở Âu châu. Ai cũng thừa hiểu rằng văn hóa của Việt nam là văn hóa của Đông phương, khác hẳn và không có dính liú gì với văn hóa Hy Lạp mà mọi người đều hiểu là nguồn cội của văn hóa Tây phương.

Văn hóa Việt nam, trong biến trình lịch sử, không có liên quan gì với văn hóa Hy Lạp! mặc dù thế, tôi muốn nói lên một sự thật, dường như đầy mâu thuẫn: Hiện thể Hy Lạp đang chi phối toàn thể đời sống chúng ta hiện nay, và chẳng những thế thôi: Hiện thể Hy Lạp đang chi phối hiện thể của chúng ta một cách toàn triệt nhất, mãnh liệt nhất ngay tại đây, ngay giờ phút này.

Ngay tại đây, ngay giờ phút này, chúng ta đang ngồi trong một phòng học: phòng học thuộc vào một phân khoa, gọi là «phân khoa văn học và khoa học nhân văn»! phân khoa này thuộc vào một viện, gọi là «viện đại học»! viện đại học là một cơ sở lệ thuộc vào Bộ, gọi là «Bộ Giáo dục». Điều vừa nói là một điều quá hiển nhiên, ai cũng đều biết. Điều vừa nói quá hiển nhiên, đến nỗi ai cũng muốn cười, mỗi khi tôi đã lặp đi lặp lại điều hiển nhiên ấy trong nhiều lần.

Không. Khi chúng ta nhìn thẳng và nhìn sâu, khi chúng ta để cái nhìn chúng ta xoáy thật sâu vào bất cứ điều hiển nhiên nào trong đời, chúng ta sẽ thấy rằng điều hiển nhiên, điều tưởng là hiển nhiên kia, chẳng có gì hiển nhiên cả, mà lại chứa nhiều uẩn khúc vô cùng tế nhị.



Chẳng hạn khi tôi lặp đi lặp lại rằng « chúng ta đang ngồi trong một phòng thuộc về một phân khoa, gọi là phân khoa văn học và khoa học nhân văn; phân khoa này thuộc về một Viện, gọi là Viện Đại học thuộc vào một Bộ, gọi là Bộ Giáo dục »; chẳng hạn khi tôi lặp đi lặp lại câu trên và đồng thời nhấn mạnh rằng « Hiện thể Hy Lạp đang chi phối hiện thể chúng ta một cách toàn triệt nhất, mãnh liệt nhất ngay tại đây, ngay giờ phút này », lúc lặp lại câu nói trên, tôi muốn rằng hiện thể Hy Lạp và hiện thể Việt nam có liên quan mật thiết với nhau, vì tất cả sinh hoạt của chúng ta đã lệ thuộc vào những ý niệm Hy Lạp. Thí dụ cụ thể nhất là sinh hoạt đại học, tất cả những tiếng chúng ta đang dùng như « đại học », « giáo dục », « văn học », « phân khoa » và tất cả những danh từ trừu tượng trong ngôn ngữ Việt nam đều là những danh từ Hán Việt, nghĩa là những danh từ lấy từ chữ Hán: chúng ta chịu ảnh hưởng văn hóa Trung hoa: điều không ai có thể phủ nhận. Mặc dù thế, ý nghĩa nguyên thủy của những danh từ ấy đã mất hẳn. Ngay đến sinh hoạt văn hóa hiện nay ở Trung hoa, tất cả những ý niệm đã mất hết ý nghĩa uyên nguyên và chỉ chứa đựng ý nghĩa thời đại, thuận theo sinh hoạt hiện tại của toàn thế giới. Ý nghĩa uyên nguyên đã mất và ý nghĩa của bất cứ ý niệm nào đều bị qui định bởi văn hóa Tây phương; toàn thể ý niệm của văn hóa Tây phương đã được hình thành theo biến trình của ý thức Hy Lạp. Ý thức Hy Lạp khai sinh hun đúc ý thức La mã; ý thức La mã đã khai sinh hun đúc ý thức Tây phương hiện đại. Ý thức Tây phương hiện đại đã chi phối toàn thể nhân loại hiện nay: thí dụ cụ thể là sự hiện diện của chúng ta tại đây, ngay giờ phút này, trong gian



phòng này. Gian phòng này thuộc vào Viện Đại học; danh từ «Đại học» trong nghĩa «Viện Đại học» ở đây không còn ý nghĩa «đại học» trong Khổng giáo; nghĩa «đại học» ở đây chỉ có ý nghĩa phổ biến hiện thời: «viện đại học» có nghĩa là «university» của Anh ngữ và «université» của Pháp ngữ; tất cả những viện đại học hiện nay ở thế giới đã được thành lập theo tinh thần của những đại học Pháp và Anh và Đức: những đại học lâu đời nhất của Pháp, Anh, Đức đã được thành lập theo tinh thần của văn hóa La mã: những chữ «university» và «université» xuất từ chữ La tinh «universitas»: Ý niệm «universitas» nằm trong tinh thần «humanitas». Ý niệm «humanitas», người La mã dùng để dịch ý niệm «paideia» của Hy Lạp. Văn minh La mã đã thấu thái lãnh hội văn minh Hy Lạp, nhưng người La mã đã lãnh hội văn minh hậu thời của Hy Lạp (l'hellénisme tardif). Sự biến thể của văn minh hậu thời của Hy Lạp trong hậu cảnh La mã: đây là khúc quan trọng trong văn hóa toàn thể nhân loại. Sự biến thể này đánh dấu sự tựu thành vĩ đại của thời đại hiện nay, gọi là thời đại cơ khí, đồng thời đánh dấu sự phân hóa mãnh liệt trong mọi phạm vi sinh tính: chiến tranh Việt nam đã được qui định từ sự biến thể phũ phàng này. Viện Đại học mà chúng ta đang ngồi nơi đây cũng được qui định từ sự biến thể phũ phàng này, tất cả những viện đại học ở thế giới cũng được qui định bởi sự biến thể của văn minh hậu thời Hy Lạp trong hậu cảnh La mã: trong quyển *Lettre sur l'humanisme*, chúng ta thấy Heidegger đã giải thích rõ ràng sự biến thể này: người La mã đã lấy ý niệm «paideia» của người Hy Lạp: Hy Lạp ở đây là thuộc Hy Lạp hậu thời, «ý thức hệ Hy Lạp hậu thời» (l'hellenisme tardif = Spätgriechentum), văn hóa của Hy Lạp hậu thời đã được dạy trong những



học viện: «phân khoa văn học» xuất phát từ đó, trong ý niệm «paideia» được biến thể trong văn hóa La mã thành ra «eruditio et institutio in bonas artes». Chúng ta đang ngồi trong một phân khoa, gọi là «phân khoa văn học và khoa học nhân văn»: chúng ta đã thấy «phân khoa văn học» xuất phát từ đâu, còn riêng về mấy chữ «khoa học nhân văn» thì cũng xuất phát cùng nguồn với «phân khoa văn học»: người La mã cũng dịch ý niệm Hy Lạp «paideia» là «humanitas»; danh từ «nhân văn» là dùng diễn tả ý nghĩa tinh từ «humain» trong Pháp ngữ: «humain» là bởi chữ La tinh «humanus»; «humanus» và «homo» được qui định bởi ý nghĩa của danh từ «humanitas» của La tinh, mà «humanitas» được qui định bởi ý nghĩa «paideia» của ý thức hệ Hy Lạp hậu thời.

Chúng ta đang ngồi trong «Phân khoa văn học và khoa học nhân văn» nghĩa là trong một cơ sở giáo dục được qui định bởi ý nghĩa sinh thành của «paideia» trong ý thức hệ Hy Lạp hậu thời qua sự gặp gỡ giữa ý thức hệ La mã và ý thức hệ Hy Lạp hậu thời ấy. Sự phân định tổ chức giáo dục từ «bộ Giáo dục» đến «viện Đại học qua những «phân khoa» khác nhau đều được qui định bởi ý niệm «paideia» của Hy Lạp hậu thời.

Thế thì chúng ta đã hiểu tại sao chúng ta phải ý thức rằng: Hiện thể Hy Lạp đang chi phối đời sống chúng ta. Chẳng những riêng về phương diện giáo dục, mà trong tất cả mọi lãnh vực như chính trị, xã hội, tôn giáo, triết lý. Tất cả những ý niệm của chúng ta đều được qui định trong ý thức hệ Hy Lạp; tất cả những giá trị hiện nay đều được qui định bởi lẽ lối suy tư Hy Lạp: Socrate, Platon và



Aristote đang chi phối đời sống tinh thần và vật chất của chúng ta.

Chiến tranh Việt nam xuất phát từ sự phát triển của cơ khí kỹ thuật. Cơ khí kỹ thuật là sự tựu thành vĩ đại của ý thức Hy Lạp: tư tưởng Hy Lạp đã khai sinh triết lý Hy Lạp; triết lý Hy Lạp khai sinh triết học Kinh viện: triết học Kinh viện và triết học cận đại đã khai sinh khoa học; khoa học trưởng thành trong kỹ thuật cơ khí.

Hiện thể Hy Lạp đang chi phối toàn thể nhân loại. Thái độ của chúng ta đối với Hy Lạp phải như thế nào? Hy Lạp là gì? Bản tính của Hy Lạp là gì? Tại sao chúng ta phải có thái độ? Hy Lạp phải chăng là một đối tượng? phải chăng Hy Lạp là một đối thể? Và chúng ta là những chủ thể? Thái độ của chúng ta đối với Hy Lạp phải như thế nào? Hy Lạp có phải là một sự thể đứng trước nhãn quan ta để ta có một thái độ nào đó?

Những câu hỏi trên là những câu hỏi đã nêu lên từ đầu bài giảng hôm nay. Chính những câu hỏi trên cũng được đặt lên theo thể điệu nghi vấn của Hy Lạp. Những thể điệu «thế nào?», «tại sao», «là gì» là thể điệu vấn tính của Hy Lạp.

Thái độ của chúng ta đối với Hy Lạp phải là thái độ gì? Câu hỏi đã được trả lời ngay từ đầu buổi giảng, vì chúng ta đã được ném ngay vào trong hiện thể Hy Lạp, nói rõ hơn là chúng ta đã bơi trong nước mà vẫn hỏi phải làm gì với nước: câu hỏi không cần phải trả lời: vì chúng ta đang bơi trong nước: nói khác đi, chúng ta đã nhập thể trong hiện thể Hy Lạp.



Và tất cả mọi sự giải phóng, vượt thoát ra ngoài văn hóa Tây phương (tự thành của Hy Lạp) chỉ có thể thực hiện được một cách toàn triệt là khi nào chúng ta đã nhập thể trong hiện thể Hy Lạp; từ sự nhập thể ấy, chúng ta mới có khả năng xuất thể: *xuất* đồng lúc với *nhập* để vượt thoát ra ngoài văn hóa Tây phương.

Chỉ khi nào chúng ta hiểu được thể tính của Tây phương thì chúng ta mới nhận ra *giới hạn* và chính giới hạn ấy sẽ giúp ta có khả năng nhận ra sự liên hệ giữa *tự tính* và *tha tính*, giữa *bản tính* và *thuộc tính*.

Chúng ta chỉ có thể hiểu được chúng ta là khi nào chúng ta hiểu được những gì không phải là chúng ta: cái khác chúng ta xô đẩy chúng ta tiến tới sự trở về thực tính của mình.

« Dân tộc tính », « quốc học », « tinh thần dân tộc », « truyền thống dân tộc » chỉ có ý nghĩa thực sự khi tất cả mọi sự đã được đưa về một cuộc truy nhận nền tảng: Hy Lạp đã xô đẩy chúng ta ra ngoài gốc rễ của quê hương, nhưng chính sức xô đẩy ấy cũng có thể là sức mạnh nghịch hành chứa đựng tất cả khả tính khả dĩ đẩy ngược chúng ta lại một cách toàn diện trên con đường tìm lại quê hương.

PHẠM CÔNG THIÊN



## THUYỀN LẠ DÒNG SÔNG

NGÔ TRỌNG ANH

Toàn thể sự nghiệp của Nietzsche là một bài thơ, một bài thơ viết bằng nước mắt và nụ cười. Nước mắt ghen ngào của siêu nhân khi thấy vô minh tràn ngập nhân loại đem lại đau thương và uất hận. Nhưng nụ cười của siêu nhân cũng do đó mà xuất hiện vì ông đã thấy sự giải thoát bằng Trí Bát nhã vượt ra khỏi vòng lý sự của ý thức phân hai hay khỏi nhà tù bản năng của vô tri tiềm thức.

Tư tưởng nhân loại ngày hôm nay đang hướng về triết học hành động với hai con đường: Hành động theo triết học lý sự của ý thức với Marx và hành động theo triết học bản năng của tiềm thức với Freud. Tuy nhiên giới hạn hai bên cũng không còn rõ rệt vì ý thức của Marx đã biến thành ý thức hệ cho tin đồ và xâm nhập vào tiềm thức nhân loại trong khi tiềm thức của Freud lại được phân tích quá kỹ cho nên cũng nhảy vào thế giới của lý trí phân hai.



Triết học hành động này lại được Dewey tăng cường với phương pháp giáo dục đầy hiệu năng cho xã hội văn minh cơ khí. Cái hành động này đề cao sức lao động đã dần dà chế ngự tư tưởng của siêu nhân bằng y sĩ phân tâm và bằng cán bộ tuyên truyền. Triết học hành động thiếu phần Đạo đức tuy đem lại tiện nghi cho đời sống, *một đời sống đặc biệt*, hoàn toàn xa lạ với nhân tính ngàn xưa, nhưng thử hỏi cái tiện nghi của đời sống này có hơn cái thiếu tiện nghi của nếp sống xưa chăng?. Nếu sống với đầy đủ máy lạnh, máy nóng, ti vi, v. v... trong những tòa nhà tối tân là thích hợp nhất thì tại sao ai cũng nô nức xô nhau ra bãi biển hay vào rừng mỗi khi có kỳ nghỉ phép?

Thành kiến và thói quen kèm với sự tuyên truyền ý thức hệ hàng ngày đem lại một thế giới đầy mâu thuẫn mà ít ai thắc mắc để ý đến. Thế giới hành động là một thế giới của sự lãng quên. Lo làm việc đến nỗi tối tăm mặt mũi, cũng như lo hành động đến nỗi quên cả tình cảm là hiện trạng chung của công dân tự do hay đồng chí cách mạng. Cái lãng quên này là giấc ngủ của thế gian, một giấc ngủ trên xương máu, một giấc ngủ tai hại. Trong bài THUYỀN LẠ của Nietzsche (chép sau đây), ba câu thơ đầu tiên diễn tả cái giấc ngủ lãng quên của nhân loại trước những thống khổ âm thầm:

*Đêm qua khi bốn bề yên giấc nghỉ  
Chỉ còn nghe rên rỉ nhẹ từng cơn  
Mơ hồ trong tiếng gió van lơn,*

Nếu thế gian chìm đắm trong vòng nhân quả, chạy theo danh và tướng, biến con người thành máy thì siêu nhân là người đã thấy rõ cái nguy hại này và đau khổ vô cùng. Siêu



là một hệ luận của nhân quả. Nhân quả là luật tương sinh, trong chiều dọc, và tương thành, trong chiều ngang. Nó chỉ có hiệu lực trong phạm vi thế tục trí. Trong phạm vi này, nếu vận dụng nguyên tắc nhân quả đến tuyệt đỉnh để giải thích bản nguyên của hiện hữu, thì mọi lý luận đều diễn ra như nhau. Nhưng nếu vận dụng nó để cố đạt đến Sự Thực Tuyệt đối thì không thể được. Những bất đồng đều do từ sự kiện *không thể được* này. Thí dụ, Kinh *Pháp hoa* (Sad-dharmapundarika - Sùtra): *Chư pháp tịch diệt tương, bất khả dĩ ngôn tuyên*: biểu hiện tính của hiện hữu là sự biểu hiện không vết tích, do đó không thể đem lời nói mà diễn tả được. Nói như thế thì không khác gì Đạo Đức kinh của Lão tử: *Thị nhi bất kiến danh viết di, thính nhi bất văn danh viết hi, bác nhi bất đắc danh viết vi*: Đạo thì màu nhiệm, không màu sắc nên nhìn mà không thấy; không âm thanh nên ngóng mà không nghe; cực nhỏ không hình tích nên bắt mà không nắm được. Cứ theo kinh nghiệm của thế tục trí, có những điều được thấy rất rõ mà không có cách gì nói ra được. Huống hồ là cái Đạo cao viễn, duy chỉ Thánh nhân mới diện kiến. Tuy nhiên, trong những diễn tả của lý luận, chính ngôn ngữ tạo nên những hình ảnh bất khả tư nghị. Giống như người ta cốp nhặt bất cứ từ ngữ nào bắt gặp bất ngờ trong tự điển, rồi căn cứ theo văn pháp, sắp xếp thành mạch lạc, cũng tạo ra được những ý tưởng lạ lùng. Những danh từ được gọi là cưỡng bức, dùng để nói những cái không thể nói, cũng thuộc loại «bất ngờ» này. Chúng xuất hiện vì yêu sách của luận lý. Nếu kết hợp chúng vào sự kính tín đối với trí tuệ của Thánh nhân, chúng sẽ tác động trên sự sống của con người,



Như vậy thì Tam tự cũng có nghĩa là Tự tử, tự vận và tự sát.

Còn nếu người ta bảo với siêu nhân rằng nên theo đồng chí cách mạng của khối bình đẳng với Tam cùng: «Cùng ăn, cùng mặc, cùng làm», thì ông lại hiểu bình đẳng tam cùng theo nghĩa: Bần cùng, khổn cùng và cơ cùng, thế mới chết!. Vì luôn luôn hiểu sai, đi trái lại với thành kiến mọi người cho nên siêu nhân không có đất đứng trên cõi thế gian lừa bịp này. Do đó, sau sự xao xuyên tâm hồn là bắt đầu sự khước từ thành kiến của siêu nhân:

*Cuối cùng, khi an nghỉ hết trông mong,  
Ta chạy thẳng ra bờ sông bát ngát,*

Trong Tư Tưởng số 2 năm thứ 3 chúng tôi có nói đến đoạn Tam tạng phải dừng chân ở bến Lãng Vân trên dòng sông của câu chuyện vì vương phải chương ngại Độc mộc kiều: Muốn «lãng vân» phải đi bộ bằng bước chân hồn nhiên thơ ấu theo kiểu *lãng ba vi bộ* của Đoàn Dự trong Thiên long bát bộ mới được. Nếu quên mất tuổi trẻ thì phải rần chờ thuyền Bát nhã đến cứu độ cho. Giai đoạn «*Trẻ thơ*» của Siêu nhân đã được Nietzsche đề cập trong Zarathoustra ở đoạn *Ba lần thoát xác* (Lạc đà, sư tử và trẻ thơ). Trong bài *Thuyền lạ* Nietzsche chỉ nói đến chiếc thuyền bát nhã với Bồ tát hạnh:

*Và ta gặp dưới ánh trăng trong mát  
Người và thuyền trong cát ẩm mơ màng.  
Hai thầy trò cùng chung giấc mộng vàng...*

Người đây là Bồ tát hay Bảo sanh như lại đến cứu





Tam tạng còn thuyền là thuyền Bát nhã hay chiếc bè Trí tuệ vô phân biệt vượt qua trí thức phân hai. Vì Vô phân biệt cho nên cả hai Thầy và trò đều cùng chung giấc mộng vàng: Con chiền và mục đồng là một, (nguyên văn: thầy là mục đồng, trò là con chiền). Chỉ có ai thấm nhuần tư tưởng Đại thừa mới thấu triệt hai mặt của thực tại trong vấn đề cứu cánh và phương tiện này. Và Thuyền Bát nhã là phương tiện của cứu cánh, của giải thoát:

*Trong giấc ngủ, thuyền ngang rời khỏi bến*

Giấc ngủ của siêu nhân lại là giấc ngủ của sự thành tựu Bồ tát hạnh, đó là *giấc ngủ vô cùng tỉnh táo* của Mozart khi sáng tác (Xem bức thư ông viết do Heidegger trình trong Principe de Raison). Sự sáng tác nghệ thuật không đến với lô-gích, với tư duy luận lý cho nên nếu ai mà *thực tỉnh táo* thì sẽ không tài nào hiểu được nghệ thuật mặc dầu tốn công nghiên cứu quanh năm. Phải *ngủ tỉnh táo* mới sáng tác nghệ thuật được. Nhiều nghệ sĩ đã bao lần sáng tác ra những tác phẩm trong giấc ngủ tỉnh táo nhưng khi muốn ghi chép lại thì lại đành chịu bí vì đã trót thức giấc mất rồi. Phải là nghệ sĩ mới hiểu tu sĩ, phải sáng tác mới hiểu Thiên định. Hiểu thiên định là hiểu câu nói của Duy ma cật: *Mạc như lời*: Im lặng sấm sét là ngủ giấc mơ tỉnh táo.

Vì vậy mà với Thiên định hay nghệ thuật thì vấn đề thời gian không còn lý do tồn tại: một khoảnh khắc không khác một thiên thu bao nhiêu:

*Một giờ trôi, có thể hai, không đếm  
Và bết đâu có thể đến tròn năm?*



Thiền định là đi vào thế giới của Vô thức. Thức không còn tác dụng ở đây, ý thức và tiềm thức phải nhường chỗ cho Vô thức. Phân tâm học Âu tây thường lầm Vô thức siêu nhân với Vô thức cộng đồng của Jung. Vô thức siêu nhân là giấc ngủ vô cùng tỉnh táo còn vô thức Jung là tiềm thức hay giấc ngủ khi, đầy ác mộng. Vô thức của phân tâm học không tạo ra Gogh hay Mozart mà chỉ tạo ra những con người máy. Vô thức siêu nhân là vô phân biệt trí, là đi vào hố thẳm không đáy của tư tưởng với Heidegger:

*Bỗng nhiên ta cảm thấy bị chìm dần*

*Trong vịnh cửu của thâm sâu vô thức,*

*Hố không đáy đón chờ ta xuống vực...*

*Mãn cuộc tàn đêm...*

Khi Tam tạng nhắm mắt nhảy liêu vào thuyền Bát nhã không đáy thì lạ thay, Đường tăng thấy mình lơ lửng nhẹ nhàng khoan khoái, với Nietzsche thì cũng vậy:

*...Sáng hôm sau: Trên mặt nước sâu đen*

*Chiếc thuyền ngang êm đềm trong giấc nghỉ...*

Nguyên văn: Nội bệnh bỗng trong an tĩnh. Trong Zarathoustra, Nietzsche có đặc biệt nói đến giờ Ngọ hay là giờ của Thiền định, và trong đoạn giờ Ngọ lại có thuyền Bát nhã xuất hiện trong *bến nước êm đềm*, thuyền này được nối liền với Tịnh thổ bằng sợi tơ nhện mong manh. Đó là sự yên tĩnh tuyệt đối của An lạc quốc hay của sự yên tĩnh nội tâm. Bình an đến nỗi Tam tạng khi thấy xác mình trôi mà vẫn bình tĩnh hỏi thầy ai đó! Với Nietzsche thì cũng có tiếng hỏi:



*Một rồi trăm tiếng hỏi: Gì đây nhỉ?  
Có làm sao? Máu chảy, đáng bi quan?...*

Nếu Tam tạng bình tĩnh chừng nào thi siêu nhân của Nietzsche cũng bình an không kém:

*Không... Chúng tôi tất cả ngủ bình an..  
Ngủ thật ngon! Giấc muôn vàn hiếm có!*

Giấc ngủ của siêu nhân cũng là giấc ngủ của trẻ thơ, đó là sự lãng quên hồn nhiên của nhân tánh, đó là lãng trí của thi nhân, mơ màng của nhạc sĩ và im lặng của tu sĩ.

Trong Zarathoustra có đoạn:

*« Tại sao một con sư tử phải thành trẻ thơ? Vì trẻ thơ là sự hồn nhiên và sự lãng quên, là một sự bắt đầu mới, một trò chơi, một bánh xe tự xoay, một hành động đầu tiên, một chấp nhận thiêng liêng.*

Cái thiêng liêng của tuổi trẻ Việt nam, tiếc thay lại bị khoa học, chính trị, giáo điều và ý thức hệ đầu độc quá nhiều cho nên không còn ai thích đi thuyền Bát nhã nữa mà chỉ thích đi tàu điện cơ đồ bộ hay lái tàu lô gích xâm lăng. Chúng ta có thể áp dụng cho thanh niên Việt nam câu ca cuối cùng của Nietzsche trước khi ông đi vào im lặng vĩnh viễn:

*Âm thầm ca khúc đưa đò  
Rung rinh một khối tình mơ muôn màu.  
Lặng nghe tiếng hát, ai đâu?*

Không ai nghe Nietzsche ca bài Venise và do đó biết bao giờ tuổi trẻ Việt nam mới chịu nghe câu gọi đò của thi sĩ Quách Tấn:



*Nửa đời mây khói chìm bóng mộng  
Gọi đò một tiếng lạnh hư không*

Quách tiên sinh chắc còn nhớ thanh niên thế hệ tiền chiến đã bao lần thồn thức với bài *con thuyền không bến* của Đặng thế Phong. Con thuyền thời ấy không bến nên bơ vơ trên sông Thương nước chảy đôi dòng. Tình Thương tiền chiến đang còn vương rắc rối với lý trí phân hai của một Dũng trong Đoạn tuyệt: *Loan hay cách mạng?*. Ngày hôm nay sông Thương lại được thay thế bằng hận thù Bến hải, cũng vẫn đôi dòng với luận lý toán học và luận lý biện chứng: không còn Loan mà chỉ cách mạng với cách mạng. Bến hải đầy máu và nước mắt vì thanh niên ngày nay không biết *tuổi trẻ*, cũng không biết *su tử* với Thế lữ trong bài Nhớ rừng mà chỉ biết *lạc đà* của triết thuyết hành động máy móc, bắn như liên thanh, xung phong như kiến lửa.

Hai câu gọi đò của Quách Tấn đã được Phạm công Thiện nhắc đến trong *Hổ thẳm tư tưởng* sau khi đặt lấy câu hỏi và tự trả lời. (trang 97):

*Khi tất cả đều bị giết hết rồi, chúng ta còn gì?  
Chúng ta còn tiếng gọi đò.*

Hôm chúng tôi gánh thuốc và gạo ra Huế cứu trợ Mậu thân thấy xác chết chưa chôn, cửa nhà tan nát, nhưng lạ thay, tất cả đò ngang đều còn đầy đủ.

Một niềm lạc quan đầy tin tưởng thoáng hiện ra cho chúng tôi vì:

*Còn đò là còn Huế, mà còn Huế là còn tiếng gọi đò.*

NGÔ TRỌNG ANH





## LA BARQUE MYSTERIEUSE.

La nuit dernière, alors que tout dormait;  
Et qu'on n'entendait plus passer  
Que les soupirs incertains du vent,  
L'oreiller ne m'a pas donné le repos  
Ni le pavot, ni cette autre chose qui procure  
Le grand sommeil: la bonne conscience.

Enfin, renonçant au repos,  
Je courus à la plage,  
La lune brillait, il faisait doux, et je trouvai,  
Dans le sable chaud, l'homme et sa barque.  
Ils sommeillaient tous deux, le pâtre et la brebis...  
Et, sommeillante, la barque quitta la rive.

Une heure passa, peut-être bien deux,  
Peut-être un an? Soudain  
Mes sens sombrèrent  
Dans une éternelle inconscience,  
Et un gouffre s'ouvrit, sans fond...  
C'était fini...

...Vint le matin: sur des profondeurs noires  
Flotte une barque qui repose, calme, calme...  
Que s'est-il passé? crie une voix, bientôt cent.  
Qu'y a-t-il eu? Du sang, du drame?  
Non... Nous dormions, dormions tous...  
Ah! que c'était bon, que nous dormions bien!

NIETZSCHE

(Bản dịch của Alexandre Vialatte)





## THUYỀN LẠ

Đêm qua khi bốn bề yên giấc nghỉ  
Chỉ còn nghe rên rĩ nhẹ từng cơn  
Mơ hồ trong tiếng gió van lơn,  
Ta ôm gối chập chờn không ngủ được,  
Phù dung không tạo mộng vàng mơ ước,  
Dùng thuốc mê « Ý thức tốt » không xong.

Cuối cùng, khi an nghỉ hết trông mong,  
Ta chạy thẳng ra bờ sông bát ngát,  
Và ta gặp dưới ánh trăng trong mát  
Người và thuyền trong cát ấm mơ màng.  
Hai thầy trò cùng chung giấc mộng vàng...  
Trong giấc ngủ, thuyền ngang rời khỏi bến.

Một giờ trôi, có thể hai, không đếm  
Và biết đâu có thể đến tròn năm?  
Bỗng nhiên ta cảm thấy bị chìm dần  
Trong vịnh cửu của thâm sâu vô thức,  
Hố không đáy đón chờ ta xuống vực...  
Mãn cuộc tàn đêm...

... Sáng hôm sau: trên mặt nước sâu đen  
Chiếc thuyền ngang êm đềm trong giấc nghỉ...  
Một rời trăm tiếng hỏi: Gì đây nhỉ?  
Có làm sao? Máu chảy, đáng bi quan?...  
Không... Chúng tôi tất cả ngủ bình an...  
Ngủ thật ngon! Giấc muôn vàn hiếm có!

NGÔ TRỌNG ANH dịch





# **SINH HOẠT ĐẠI HỌC**

## **HỘI NGHỊ QUỐC TẾ:**

Theo thư mời của những tổ chức Đại học Quốc tế, Viện Đại học Vạn Hạnh đã cử các vị sau đây tham dự các Hội nghị Quốc tế:

1). Thượng tọa Viện trưởng tham dự Hội nghị các Viện trưởng Đại học Việt nam tại Stevens Point, Hoa kỳ, từ 24 đến 31-10-70 do lời mời của Viện Đại học Wisconsin.

2). Thượng tọa Viện trưởng và Đại đức Thích Nguyên Tánh, Khoa trưởng Văn khoa, tham dự Hội nghị về « Tôn giáo và Dân tộc » tại Jerusalem từ 1 đến 8-11-70 do lời mời của Viện Đại học Hebrew.

3). Thượng tọa Viện trưởng, tham dự Hội nghị về Nérhu tại New Delhi từ 9 đến 15-11-70 do lời mời của Tòa Tổng Lãnh sự Ấn độ tại Việt nam.



4). Đại đức Thích Nguyên Tánh, Khoa trưởng Văn khoa và Giáo sư Tôn Thất Thiện, Khoa trưởng Khoa học Xã hội, tham dự Hội nghị về «Cultural Relations for the Future» tại Singapore từ 29 đến 31-10-70, do lời mời của Hazen Foundation.

5). Giáo sư Tôn Thất Thiện, Khoa trưởng Khoa học Xã hội, tham dự khóa họp các Khoa trưởng Thương mại và Xã hội học tại Hong Kong từ 2 đến 4-11-1970, do lời mời của Viện Đại học Hongkong.

— PHÂN KHOA GIÁO DỤC VIỆN ĐẠI HỌC VẠN HẠNH:

Kể từ niên khóa 70-71, Viện Đại học Vạn Hạnh sẽ bắt đầu mở thêm một Phân khoa mới: Phân khoa Giáo dục. Đây cũng là một Phân khoa đầu tiên được mở tại Việt nam.

Phân khoa Giáo dục do Thượng tọa Viện trưởng kiêm nhiệm chức vụ Khoa trưởng và Ni cô Thích nữ Trí Hải, Phụ tá Khoa trưởng.

Trong niên khóa 70-71, Phân khoa Giáo dục chỉ mở năm thứ nhất với 5 ban: Việt Hán, Sử địa, Công dân, Anh văn, Toán. Mỗi ban chỉ thu nhận tối đa 70 sinh viên.

Sinh viên muốn nhập học Phân khoa Giáo dục phải có văn bằng Tú tài 2 và phải qua 1 kỳ thi tuyển (thi viết và vấn đáp).

Như vậy, trong niên khóa 70-71, Viện Đại học Vạn Hạnh sẽ mở:

Phân khoa Phật học





Phân khoa Văn học và Khoa học Nhân văn.

Phân khoa Khoa học Xã hội.

Phân khoa Giáo dục.

Trung tâm Ngôn ngữ.

Viện đã bắt đầu thu đơn nhập học từ 1-10-70 cho hết ngày 30-10-70.

— CHI NHÁNH PHÂN KHOA PHẬT HỌC TẠI HUẾ:

Thề theo đề nghị của Giáo hội Thừa Thiên và đồng bào Phật tử Huế, Hội đồng Quản trị Viện Đại học Vạn Hạnh đã chấp thuận mở chi nhánh Phân khoa Phật học tại Huế kể từ niên khóa 70-71. Hội đồng Viện đã cử Thượng tọa Thích Quảng Độ, Phó Khoa trưởng Phật khoa, ra Huế tiếp xúc với quý Thượng Tọa trong Giáo hội Thừa thiên và quý vị trí thức Phật tử tại Huế đề xúc tiến công việc trên.

— CAO HỌC VẠN HẠNH:

Kể từ niên khóa 70-71, Hội đồng Quản trị Viện Đại học Vạn Hạnh đã chấp thuận mở Ban Cao học tại Phân khoa Phật học và Phân khoa Văn học, gồm các ban:

Cao học Phật học

Cao học Triết học

Cao học Sử địa

Sinh viên muốn ghi tên Cao học phải có văn bằng Cử nhận hạng bình thứ trở lên.





Chương trình Cao học gồm có 2 năm, năm đầu sinh viên phải đi học mỗi tuần 6 giờ và soạn tiểu luận kể từ năm thứ 2.

Nhận đơn ghi danh kể từ 1-12-70.

— HOẠT ĐỘNG CỦA THƯỢNG TỌA VIỆN TRƯỞNG:

Trong chương trình thăm viếng hàng năm, vào ngày 24-10-70, Thượng tọa Viện trưởng đã hướng dẫn 1 Phái đoàn đi thăm các trường Bồ Đề tại Đà Nẵng và Quảng Nam.

Tại Đà Nẵng, Thượng tọa Viện trưởng đã dự lễ phát phần thưởng cho học sinh trúng tuyển trong kỳ thi Phật pháp toàn quốc vừa qua, tiếp xúc và trình bày đường hướng Giáo dục Phật giáo với gần 300 Giáo chức Bồ Đề Đà Nẵng, thăm viếng các trường Bồ Đề Sơn chà, An hải, Hòa vang, Hòa phát, Cô ký nhi viện Diệu Định, Phật học Viện Phò Đà, chùa Tỉnh Giáo hội. Tại đây, Thượng tọa Viện trưởng đã trao số tiền 2000 Anh kim (565.000\$) do Cơ quan Oxfam (Anh quốc) trợ giúp cho ký nhi viện Đà Nẵng qua trung gian của Viện Đại học Vạn Hạnh

Tại Quảng Nam, Thượng tọa Viện trưởng đã thăm chùa Tỉnh Giáo hội, trường Bồ Đề Hội an, chùa Sư nữ, chùa Chúc thánh, chùa Trúc lâm, chùa Long tuyên và tiếp xúc với quý vị trong Ban Đại diện Giáo hội, Ban Giám đốc trường Bồ Đề và Ban Giám đốc Ký nhi Viện.

Thượng tọa Viện trưởng và Phái đoàn trở về Saigon ngày 27-10-70.

Ngoài ra, trong tháng vừa qua, Thượng tọa Viện trưởng cũng





đã đón tiếp quý vị quan khách ngoại quốc đến thăm Viện Đại học Vạn Hạnh :

- Ô. Hoshall và một Giáo sư Đại học Wisconsin.
- Ô. Shiam Sunder Nath, Tổng Lãnh sự Ấn độ tại Việt nam.
- Ô. Raymond V. Johnson, Giám đốc Cơ quan Văn hóa Á châu.
- Ô. R. M. L. M Magnée, Đại diện Liên Hiệp Quốc tại Việt nam.
- Ô. Dolnald Shields Đại diện Cơ quan Xã hội Oxfam, Anh quốc, tại Đông nam Á.
- Đ.Đ. Masakchi Nakabayashi, Nhật bản.



## MỤC - LỤC

1. VAI TRÒ ĐẠI HỌC  
TRONG VIỆC TÌM KIẾM HÒA BÌNH Harold Taylor 3
2. VAI TRÒ ĐẠI HỌC,  
Ý NGHĨA VĂN KHOA Thích Minh Châu 7
3. QUỐC HỌC Nguyễn Đăng Thục 15
4. TIẾNG NÓI CON NGƯỜI  
TRÊN MẶT ĐẤT Huy Tưởng  
Nguyễn Tôn Nhan 33
5. CHUNG QUANH VẤN ĐỀ QUỐC HỌC Kim Định 43
6. Ý NGHĨA CỦA VĂN KHOA Thích Nguyên Tánh 63
7. TRIẾT HỌC GIỜ NGO  
CỦA NIETZSCHE Lê Tôn Nghiêm 73
8. DÂN TỘC TÍNH và QUỐC HỌC Phạm Công Thiện 89
9. THUYỀN LẠ DÒNG SÔNG Ngô Trọng Anh 97
10. SINH HOẠT ĐẠI HỌC 107

bản đặc biệt

Giấy phép số : 521/BTT/NBC/HCBC cấp ngày 20-4-1970

In tại nhà in **THĂNG-LONG** 20 chợ Trương minh Giảng - Saigon,





THU VIỆN HUẾ QUANG





# TƯ TƯỞNG

*chủ đề thảo luận :*

- **SỐ 7**

*ngày 1 - 11 - 1970*

# KINH DỊCH

và

# NHO GIÁO

- **SỐ 8**

*ngày 1 - 12 - 1970*

# PHẬT GIÁO

và

# NGUYỄN DU